

LUẬN VĂN:

**Tổ chức hạch toán TSCĐ hữu
hình với việc nâng cao hiệu quả sử
dụng TSCĐ hữu hình ở Công ty
Cổ phần thiết bị Thủy Lợi**



Lời nói đầu

Tài sản cố định là một bộ phận quan trọng tạo nên cơ sở vật chất của nền kinh tế quốc dân. Nó giữ một vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp.

Vai trò của tài sản cố định, tốc độ tăng tài sản cố định trong doanh nghiệp quyết định yêu cầu và nhiệm vụ ngày càng cao của công tác quản lý và sử dụng tài sản cố định. Muốn vậy, cần tổ chức tốt công tác hạch toán để thường xuyên theo dõi, nắm chắc tình hình tăng giảm tài sản cố định về số lượng và giá trị, tình hình sử dụng, hao mòn và khấu hao tài sản cố định. Việc tăng cường quản lý, sử dụng có hiệu quả năng lực sản xuất hiện có, nâng cao và sử dụng tối đa công suất tối đa máy móc thiết bị là biện pháp quan trọng để tạo điều kiện hạ giá thành, thu hồi vốn đầu tư để tái sản xuất, trang bị đổi mới tài sản cố định. Từ đó, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, từng bước cải thiện đời sống của mọi thành viên trong doanh nghiệp.

Để tồn tại và phát triển cùng với việc tăng cường trang bị TSCĐ cho các doanh nghiệp đòi hỏi doanh nghiệp phải tự nâng cao và hoàn thiện công tác quản trị, công tác kế toán và tổ chức sản xuất kinh doanh để sản phẩm sản xuất ra có chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi tiên thân là một đơn vị thuộc Bộ Thủy Lợi, trải qua hơn 30 năm với những bước phát triển thăng trầm đã có những thành công nhất định. Hiện nay, công ty đang được đầu tư với một lượng tài sản cố định khá lớn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Việc hạch toán tài sản cố định đòi hỏi hiểu sâu, hiểu kỹ về tài sản cố định trên, nắm vững chế độ kế toán Nhà nước về TSCĐ. Em đã chọn đề tài: **“Tổ chức hạch toán TSCĐ hữu hình với việc nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ hữu hình ở Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi”** làm đề tài luận văn.

Kết cấu luận văn gồm các phần chính sau:

Phần I: Lý luận chung về hạch toán TSCĐ hữu hình ở các doanh nghiệp sản xuất.

Phần II: Thực trạng tổ chức kế toán TSCĐ hữu hình tại công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi.

Phần III: Đánh giá chung và một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức quản lý và hạch toán nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ tại công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi.

Phần I:

Lý luận chung về hạch toán TSCĐ hữu hình ở các doanh nghiệp sản xuất.

i. Một số vấn đề cơ bản về tài sản cố định hữu hình

1. Khái niệm về tài sản cố định hữu hình:

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp cần thiết phải có 3 yếu tố: tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động. Tất cả các yếu tố này đều quan trọng và không thể thiếu được đối với doanh nghiệp.

Theo chuẩn mực kế toán số 03- TSCĐ hữu hình và chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ (Ban hành kèm theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính) thì:

TSCĐ hữu hình: là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất (từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều chức năng nhất định) thỏa mãn các tiêu chuẩn của TSCĐ hữu hình tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu như nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị.

Tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ hữu hình: Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời 04 tiêu chuẩn ghi nhận sau đây:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
- Có thời gian sử dụng từ một năm trở lên;
- Có giá trị từ 10.000.000 (mười triệu đồng) trở lên.

2. Đặc điểm và nhiệm vụ của kế toán TSCĐ:

TSCĐ tham gia vào nhiều chu kỳ SXKD nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu, giá trị của nó bị hao mòn dần và được dịch chuyển từng phần vào giá trị sản phẩm, dịch vụ. Phần giá trị này được kết chuyển bằng cách tính khấu hao TSCĐ theo cách tính khác nhau tạo nên nguồn vốn khấu hao cho doanh nghiệp.

Khi sản phẩm tiêu thụ được thì giá trị hao mòn này của TSCĐ sẽ được chuyển thành vốn tiền tệ. Vốn này tích lũy lại thành nguồn vốn để tái sản xuất lại TSCĐ khi cần thiết.

TSCĐ là cơ sở vật chất chủ yếu, là điều kiện quan trọng tăng năng suất lao động và giúp doanh nghiệp tổ chức SXKD của mình đúng như Mác nói: “ TSCĐ là xương cốt và bắp thịt của sản xuất”.

Do có những đặc điểm như trên nên vấn đề quản lý TSCĐ là hết sức quan trọng. Để đáp ứng yêu cầu quản lý TSCĐ với tư cách là một công cụ quản lý kinh tế tài chính kế toán TSCĐ hữu hình có các nhiệm vụ sau đây:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu một cách chính xác, đầy đủ kịp thời về số lượng, hiện trạng và giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng giảm và di chuyển TSCĐ trong nội bộ doanh nghiệp nhằm giám sát chặt chẽ việc mua sắm, đầu tư, việc bảo quản và sử dụng TSCĐ.

- Phản ánh kịp thời giá trị hao mòn của TSCĐ trong quá trình sử dụng, tính toán, phân bổ chính xác số khấu hao vào chi phí SXKD trong kỳ.

- Tham gia lập kế hoạch sửa chữa, dự toán sửa chữa TSCĐ, phản ánh chính xác chi phí sửa chữa TSCĐ, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sửa chữa và dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ.

- Tham gia kiểm kê, kiểm tra định kỳ hay bất thường TSCĐ, tham gia đánh giá lại TSCĐ khi cần thiết, tổ chức phân tích tình hình bảo quản và sử dụng TSCĐ ở doanh nghiệp.

3. Phân loại TSCĐ hữu hình:

TSCĐ trong doanh nghiệp có nhiều loại, nhiều thứ, có đặc điểm và yêu cầu quản lý và hạch toán TSCĐ, cần thiết phải phân loại TSCĐ. Phân loại TSCĐ là sắp xếp thành từng loại, từng nhóm, theo những đặc trưng nhất định. Cụ thể:

3.1. TSCĐ phân loại theo mục đích sử dụng:

TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh: là những tài sản thực tế được sử dụng trong hoạt động SXKD của đơn vị. Những tài sản này bắt buộc phải tính khấu hao vào chi phí SXKD.

TSCĐ dùng cho sự nghiệp phúc lợi, an ninh quốc phòng: là những tài sản của đơn vị sử dụng cho các nhu cầu phúc lợi công cộng như nhà văn hoá, nhà trẻ, câu lạc bộ...

TSCĐ bảo quản, cất giữ hộ.

Trong đó TSCĐ hữu hình dùng cho SXKD được phân thành 6 loại:

*Loại 1: Nhà cửa, vật kiến trúc: là TSCĐ được hình thành sau quá trình thi công xây dựng hoặc mua sắm như: trụ sở làm việc, nhà kho, hàng rào, tháp nước, sân bãi, đường xá, cầu cống, đường sắt, cầu cảng, kho tàng.

*Loại 2: Máy móc, thiết bị: là toàn bộ các loại máy móc, thiết bị dùng cho hoạt động SXKD: máy móc chuyên dùng, dây chuyền công nghệ.

*Loại 3: Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn: là các loại phương tiện vận tải gồm phương tiện vận tải đường sắt, đường thuỷ, đường bộ, đường không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn như hệ thống thông tin, hệ thống điện, băng tải.

*Loại 4: Thiết bị, dụng cụ quản lý: là những thiết bị dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động SXKD như máy vi tính, thiết bị điện tử, thiết bị dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng, máy hút bụi, chống ẩm, chống mối mọt.

*Loại 5: Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm: là các vườn cây lâu năm như vườn cà phê, vườn chè, vườn cây ăn quả.

*Loại 6: Các loại tài sản khác: là các loại TSCĐ khác chưa liệt kê vào 05 loại trên như tranh ảnh, tác phẩm nghệ thuật.

Cách phân loại trên giúp người quản lý và sử dụng hiểu rõ tính năng, tác dụng về mặt kỹ thuật của từng loại TSCĐ.

3.2. *Phân loại theo quyền sở hữu*: tài sản cố định hiện có tại doanh nghiệp được chia thành TSCĐ tự có và TSCĐ thuê ngoài:

*TSCĐ tự có: là những TSCĐ được xây dựng, mua sắm hoặc chế tạo bằng nguồn vốn chủ sở hữu doanh nghiệp (do ngân sách cấp, tự bổ sung, do đơn vị khác góp liên doanh...) hoặc bằng nguồn vốn vay. Đây là những TSCĐ thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, doanh nghiệp có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt (cho thuê, nhượng bán, thanh lý...) trên cơ sở chấp hành đúng thủ tục theo quy định của Nhà nước.

*TSCĐ thuê ngoài: là những TSCĐ mà doanh nghiệp được chủ tài sản nhượng quyền sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định ghi trên hợp đồng thuê, đối với loại tài sản này doanh nghiệp không có quyền định đoạt, gồm:

- TSCĐ thuê hoạt động.
- TSCĐ thuê tài chính.

3.3. Phân loại theo tình hình sử dụng:

*TSCĐ đang sử dụng: là những TSCĐ của doanh nghiệp đang sử dụng cho hoạt động SXKD hoặc hoạt động phúc lợi, an ninh, quốc phòng của doanh nghiệp.

*TSCĐ chưa cần dùng: là những TSCĐ cần thiết cho hoạt động SXKD hay các hoạt động khác song hiện tại chưa cần dùng.

* TSCĐ không cần dùng chờ thanh lý: là những TSCĐ không cần thiết hay không phù hợp với nhiệm vụ SXKD của doanh nghiệp, cần được thanh lý, nhượng bán để thu hồi vốn đầu tư đã bỏ ra.

Cách phân loại này cho thấy mức độ sử dụng có hiệu quả các TSCĐ.

3.4. Phân loại theo nguồn hình thành:

- TSCĐ mua sắm, xây dựng bằng vốn được cấp (ngân sách hoặc cấp trên cấp), vốn góp.
- TSCĐ mua sắm, xây dựng bằng vốn vay.
- TSCĐ mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn tự bổ sung của đơn vị (quỹ đầu tư phát triển, nguồn vốn đầu tư XDCB ...)
- TSCĐ do nhận vốn góp liên doanh.

II. Đánh giá TSCĐ hữu hình:

Đánh giá TSCĐ là xác định giá trị ghi sổ của TSCĐ: TSCĐ được đánh giá lần đầu và có thể đánh giá lại trong quá trình sử dụng. TSCĐ được đánh giá theo nguyên giá (giá trị lần đầu), giá trị hao mòn và giá trị còn lại.

1. Nguyên giá TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình: là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có TSCĐ đó tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

1.1. TSCĐ do mua sắm: (kể cả mới và cũ).

- Nguyên giá là giá mua thực tế cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như tiền lãi vay đầu tư cho TSCĐ; chi phí vận chuyển bốc dỡ; nâng cấp; lắp đặt; chạy thử; lệ phí trước bạ.

- Trường hợp TSCĐ hữu hình mua trả chậm, trả góp: Nguyên giá TSCĐ mua sắm là giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra cho đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như tiền lãi vay đầu tư cho TSCĐ; chi phí vận chuyển bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ. Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được hạch toán vào chi phí tài chính theo kỳ hạn thanh toán, trừ khi số chênh lệch đó được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình theo quy định vốn hoá chi phí lãi vay.

1.2. TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc với một tài sản khác: là giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem đi trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như tiền lãi vay đầu tư cho TSCĐ; chi phí vận chuyển bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình tương tự hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một TSCĐ hữu hình tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đem đi trao đổi.

1.3. Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng hoặc tự sản xuất:

Là giá thành thực tế của TSCĐ cộng (+) chi phí khác liên quan phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng (trừ các khoản lãi nội bộ, các chi phí không hợp lý).

1.4. Nguyên giá TSCĐ hữu hình do đầu tư XD CB hình thành theo phương thức giao thầu: là giá quyết toán công trình xây dựng cộng (+) lệ phí trước bạ, chi phí liên quan trực tiếp khác.

1.5. Nguyên giá TSCĐ hữu hình do được cấp, được điều chuyển đến: là giá trị còn lại trên sổ kế toán của TSCĐ ở các đơn vị cấp, đơn vị chuyển đến hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận cộng (+) chi phí mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

1.6. Nguyên giá TSCĐ hữu hình được cho, được biếu, được tặng, nhận vốn góp liên doanh, nhận lại vốn góp, do phát hiện thừa: là giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận cộng (+) chi phí mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

2. Đánh giá TSCĐ:

Trong mọi trường hợp TSCĐ phải được đánh giá theo nguyên giá và giá trị còn lại. Do vậy, việc ghi sổ phải đảm bảo phản ánh được tất cả 3 chỉ tiêu về giá trị của TSCĐ là nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại.

2.1. Đánh giá TSCĐ theo nguyên giá (giá gốc):

Là toàn bộ các chi phí thực tế bỏ ra để có được TSCĐ tính cho tới khi đưa TSCĐ vào sử dụng.

2.2. Xác định giá trị còn lại của TSCĐ:

là hiệu số giữa nguyên giá TSCĐ và số hao mòn lũy kế của TSCĐ tính đến thời điểm báo cáo.

$$\text{Giá trị còn lại của TSCĐ} = \text{Nguyên giá} - \text{Giá trị hao mòn}$$

Trường hợp nguyên giá TSCĐ được đánh giá lại thì giá trị còn lại của TSCĐ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại của} \\ \text{TSCĐ sau khi} \\ \text{đánh giá lại} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại} \\ \text{của TSCĐ} \\ \text{đánh giá lại} \end{array} \times \frac{\text{Giá trị đánh giá lại của TSCĐ}}{\text{Nguyên giá cũ của TSCĐ}}$$

Trong thực tế người ta thường dùng nguyên giá (giá ban đầu) của TSCĐ là cơ sở để tính và trích khấu hao và để ghi trong bảng CĐKT của doanh nghiệp cũng như để tính chi phí sản xuất và xác định thu nhập doanh nghiệp của doanh

nghiệp. Do vậy, các doanh nghiệp không được tự ý thay đổi nguyên giá TSCĐ mà chỉ được thay đổi trong các trường hợp sau:

- + Đánh giá lại giá trị TSCĐ theo quy định của pháp luật (quyết định của Nhà nước, cổ phần hoá, góp vốn liên doanh liên kết).
- + Xây dựng, trang bị thêm cho TSCĐ.
- + Cải tạo, nâng cấp làm tăng năng lực và kéo dài thời gian hữu dụng của TSCĐ.
- + Tháo dỡ bớt một số bộ phận làm giảm giá trị TSCĐ.

2.3. Xác định giá trị hao mòn:

Giá trị hao mòn là phần giá trị của TSCĐ bị mất đi trong quá trình sử dụng và tồn tại của nó tại doanh nghiệp do tác động cơ học, hoá học, do ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên, sự tiến bộ của khoa học mà giá trị của TSCĐ bị giảm dần theo thời gian.

Đánh giá theo giá trị hao mòn giúp ta nhận biết được tình hình sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, phản ánh quy mô số vốn đầu tư vào TSCĐ đã được thu hồi để có kế hoạch tái đầu tư, mua sắm để sử dụng TSCĐ có hiệu quả.

III. Tổ chức hạch toán kế toán TSCĐ.

1. Hạch toán kế toán chi tiết:

Các chứng từ liên quan đến quá trình hạch toán kế toán chi tiết TSCĐ gồm:

- Mẫu số 01-TSCĐ-“Biên bản giao nhận tài sản cố định” (Biểu số 5).
- Mẫu số 02-TSCĐ-“Thẻ tài sản cố định” (Biểu số 2).
- Mẫu số 03-TSCĐ-“Biên bản thanh lý tài sản cố định” (Biểu số 8).
- Mẫu số 04-TSCĐ-“Biên bản giao nhận tài sản cố định sửa chữa lớn”.
- Mẫu số 05-TSCĐ-“Biên bản đánh giá lại tài sản cố định” (Biểu số 7).

Bên cạnh đó kế toán còn phải dựa vào các hồ sơ:

- + Hồ sơ kỹ thuật, hồ sơ kế toán.
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- + Các sổ theo dõi TSCĐ và CCDC, thẻ TSCĐ được mở cho từng đơn vị, bộ phận sử dụng và bộ phận kế toán TSCĐ ở phòng kế toán.

2. Hạch toán tổng hợp TSCĐ hữu hình:

2.1. Tài khoản sử dụng:

**TK 211-TSCĐ hữu hình:* phản ánh nguyên giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của toàn bộ TSCĐ hữu hình thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp theo nguyên giá.

Kết cấu của TK 211:

Bên Nợ: Phản ánh các nghiệp vụ làm tăng nguyên giá TSCĐ hữu hình tự có (do mua sắm, do xây dựng cơ bản, do được biếu tặng...).

Bên Có: Phản ánh các nghiệp vụ làm giảm nguyên giá TSCĐ hữu hình (do thanh lý, nhượng bán...).

Dư Nợ: Phản ánh nguyên giá TSCĐ hữu hình hiện có tại doanh nghiệp.

TK 211 có 6 TK cấp 2:

- Tk 2112- Nhà cửa, vật kiến trúc.
- Tk 2113- Máy móc, thiết bị.
- Tk 2114- Phương tiện vận tải, truyền dẫn.
- Tk 2115- Thiết bị, dụng cụ quản lý.
- Tk 2116- Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm.
- Tk 2118- TSCĐ hữu hình khác.

**TK 214- Hao mòn TSCĐ:* theo dõi tình hình, biến động tăng, giảm giá trị hao mòn của toàn bộ TSCĐ hiện có tại doanh nghiệp (trừ TSCĐ thuê hoạt động).

Kết cấu của TK 214:

Bên Nợ: Phản ánh các nghiệp vụ làm giảm giá trị hao mòn TSCĐ.

Bên Có: Phản ánh các nghiệp vụ làm tăng giá trị hao mòn TSCĐ.

Dư Có: Giá trị hao mòn của TSCĐ hiện có.

Tk 214 có 3 TK cấp 2:

- TK2141- Hao mòn TSCĐ hữu hình.
- TK2142- Hao mòn TSCĐ thuê tài chính.
- TK2143- Hao mòn TSCĐ vô hình.

** TK 241- XDCB dở dang:* phản ánh chi phí đầu tư XDCB và tình hình quyết toán công trình, quyết toán vốn đầu tư ở các doanh nghiệp có tiến hành công tác đầu tư XDCB, tình hình chi phí và quyết toán chi phí sửa chữa lớn TSCĐ ở doanh nghiệp.

Kết cấu của TK 241:

Bên Nợ: Chi phí đầu tư XDCB, mua sắm, sửa chữa lớn.

Bên Có: Giá trị công trình sửa chữa lớn TSCĐ hoàn thành kết chuyển được duyệt.

Dư Nợ: Chi phí đầu tư và sửa chữa lớn chưa bàn giao đưa vào sử dụng.

Tk 241 có 3 TK cấp 2:

- TK2411- *Mua sắm.*

- TK2412- *XDCB.*

- TK2413- *Sửa chữa lớn.*

Bên cạnh đó trong quá trình hạch toán, kế toán sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như tài khoản 111, 112, 131, 331, 414, 441...

2.2. Phương pháp hạch toán tăng giảm TSCĐ hữu hình:

TSCĐ của đơn vị tăng lên do tự chế, mua sắm, trao đổi, được biếu tặng, viện trợ, phát hiện thừa, do nhận góp vốn bằng TSCĐ, do XDCB hoàn thành bàn giao.

Trình tự hạch toán tăng TSCĐ được hạch toán trên các sơ đồ 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14.

TSCĐ trong doanh nghiệp giảm do nhiều nguyên nhân khác nhau như thanh lý, nhượng bán, bị mất, phát hiện thiếu, đem góp vốn liên doanh, điều chuyển cho đơn vị khác, tháo dỡ bớt bộ phận trong đó hoạt động nhượng bán, thanh lý được coi là hoạt động bất thường.

Trình tự hạch toán giảm TSCĐ được hạch toán trên các sơ đồ 15, 16, 17, 18, 19, 20.

2.3. Kế toán TSCĐ thuê ngoài.

Do yêu cầu của SXKD trong quá trình hạch toán, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng thêm một số TSCĐ. Có những TSCĐ mà doanh nghiệp không có nhưng lại nhu cầu sử dụng do yêu cầu sản xuất đặt ra và buộc phải đi thuê nếu chưa có điều kiện mua sắm. TSCĐ đi thuê thường có 2 dạng:

a. TSCĐ thuê tài chính:

TSCĐ tài chính thoả mãn một trong 4 tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ thuê tài chính. TSCĐ thuê tài chính không thuộc sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp phải có trách nhiệm quản lý và sử dụng như các TSCĐ do doanh nghiệp mua.

Để theo dõi tình hình thuê TSCĐ dài hạn, kế toán sử dụng tài khoản 212-TSCĐ thuê tài chính, tài khoản 342, tài khoản 214.2.

Sơ đồ hạch toán TSCĐ thuê tài chính được phản ánh ở sơ đồ 21.

b. Kế toán TSCĐ thuê hoạt động

Khi thuê TSCĐ theo phương thức thuê hoạt động, doanh nghiệp cũng phải ký hợp đồng với bên cho thuê, ghi rõ TSCĐ thuê, thời gian sử dụng, giá cả, hình thức thanh toán. Doanh nghiệp phải theo dõi TSCĐ thuê hoạt động ở tài khoản ngoài bảng: TK 001- TSCĐ thuê ngoài.

Sơ đồ hạch toán TSCĐ thuê tài chính được phản ánh ở sơ đồ 22.

2.4. Kế toán cho thuê TSCĐ.

a. Kế toán cho thuê TSCĐ tài chính

TSCĐ cho thuê tài chính thực chất là một khoản vốn bằng hiện vật của doanh nghiệp cho bên ngoài thuê, vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải theo dõi giá trị TSCĐ thuê tài chính như một khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Sơ đồ hạch toán TSCĐ cho thuê tài chính được phản ánh ở sơ đồ 23.

b. Kế toán cho thuê TSCĐ hoạt động

Sơ đồ hạch toán TSCĐ cho thuê hoạt động được phản ánh ở sơ đồ 24.

3. Kế toán khấu hao TSCĐ

Trong quá trình tham gia vào sản xuất kinh doanh, TSCĐ bị hao mòn, giảm giá trị theo thời gian. Hao mòn TSCĐ là sự giảm dần về mặt giá trị của TSCĐ trong quá trình sử dụng TSCĐ, gồm hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình.

Trong doanh nghiệp khấu hao TSCĐ là việc tính toán và phân bổ một cách hệ thống giá trị của TSCĐ vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản là do doanh nghiệp xác định chủ yếu dựa trên mức độ sử dụng ước tính của tài sản. Trong quá trình SXKD thì cần thiết doanh nghiệp phải tiến hành khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm nhằm thu hồi vốn đầu tư để tiếp tục tái sản xuất TSCĐ. Các TSCĐ không tham gia vào hoạt động SXKD thì không phải trích khấu hao.

3.1. Các phương pháp tính khấu hao TSCĐ:

Doanh nghiệp có thể chọn 1 trong 3 phương pháp khấu hao cho từng TSCĐ.

+ *Phương pháp khấu hao đường thẳng (bình quân, tuyến tính, đều)*: Theo phương pháp này số khấu hao hàng năm không thay đổi trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản và được tính theo công thức sau:

Nguyên giá TSCĐ

$$M_k = \frac{\text{-----}}{T}$$

Trong đó: M_k : Mức khấu hao cơ bản bình quân hàng năm của TSCĐ.

T : Thời gian sử dụng TSCĐ.

Theo phương thức này thì tỷ lệ khấu hao TSCĐ được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao hàng năm} = \frac{\text{Mức khấu hao hàng năm}}{\text{Nguyên giá TSCĐ}} \times 100\%$$

$$\text{Mức khấu hao trung bình một tháng của TSCĐ} = \frac{\text{Mức khấu hao TB một năm của TSCĐ}}{12 \text{ tháng}}$$

Khi xác định thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ cần cân nhắc các yếu tố sau:

- Thời gian mà doanh nghiệp dự tính sử dụng TSCĐ.
- Sản lượng sản phẩm hoặc các đơn vị tính tương tự mà doanh nghiệp dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản.
- Giới hạn có tính pháp lý trong việc sử dụng TSCĐ.
- Kinh nghiệm của doanh nghiệp trong việc thay đổi, cải tiến dây chuyền công nghệ.

Theo quyết định số 206/2003/QĐ- BTC ngày 12/12/2003 Nhà nước đã quy định khung thời gian sử dụng các loại tài sản (Biểu số 16), nếu doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả doanh nghiệp có thể khấu hao nhanh nhưng không quá 2 lần theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

+ *Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần*: theo phương pháp này số khấu hao giảm dần trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản và được xác định theo công thức:

$$M_{ki} = G_{đi} \times T_{KH}$$

Trong đó:

- M_{ki} : Số khấu hao TSCĐ ở năm thứ i .
- $G_{đi}$: Giá trị còn lại của TSCĐ đầu năm i .
- T_{KH} : Tỷ lệ khấu hao cố định hàng năm của TSCĐ.
- i : Thứ tự của các năm sử dụng TSCĐ ($i = 1, 2, n$)

Tỷ lệ khấu hao không đổi hàng năm của TSCĐ trong phương pháp này được xác định bằng công thức:

$$T_{KH} = T_k \times H_s$$

Trong đó:

- T_k : Tỷ lệ khấu hao theo phương pháp.
- H_s : Hệ số điều chỉnh.

Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần sẽ giúp doanh nghiệp có khả năng thu hồi vốn nhanh trong những năm TSCĐ đi vào hoạt động.

+ *Phương pháp khấu hao theo số lượng sản phẩm*: dựa trên tổng số đơn vị sản phẩm theo công suất thiết kế mà tài sản có thể tạo ra và số lượng đơn vị sản phẩm tạo ra của chu kỳ tính khấu hao đó. Công thức tính như sau:

$$\text{Mức khấu hao phải trích của kỳ} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Sản lượng ước tính cả đời TSCĐ (Công suất thiết kế)}} \times \text{Số lượng thực tế trong kỳ}$$

Việc trích hoặc thôi trích khấu hao TSCĐ được thực hiện bắt đầu từ ngày (theo số... ngày... của tháng) mà TSCĐ tăng giảm, hoặc ngừng tham gia vào hoạt động kinh doanh.

3.2. Tài khoản kế toán sử dụng

Để theo dõi tình hình hiện có, biến động tăng, giảm khấu hao kế toán sử dụng tài khoản 214- Hao mòn TSCĐ.

TK 214 được chi tiết thành tài khoản cấp 2

- TK 214.1- Hao mòn TSCĐ hữu hình
- TK 214.2- Hao mòn TSCĐ thuê tài chính
- TK 214.3- Hao mòn TSCĐ vô hình

Ngoài ra để theo dõi tình hình hình thành và sử dụng vốn khấu hao cơ bản TSCĐ, kế toán sử dụng TK 009- Nguồn vốn khấu hao cơ bản.

Sơ đồ hạch toán khấu hao và hao mòn được phản ánh trên sơ đồ 25.

4. Hạch toán sửa chữa TSCĐ

Khi tham gia vào quá trình SXKD, TSCĐ bị hao mòn, hư hỏng do nhiều nguyên nhân. Do vậy, để khôi phục khả năng hoạt động của TSCĐ, đảm bảo an toàn trong SXKD, cần phải tiến hành sửa chữa, thay thế những bộ phận chi tiết của tài sản bị hao mòn hư hỏng. Tùy theo quy mô, tính chất công việc sửa chữa, kế toán sẽ phản ánh vào tài khoản thích hợp.

**Sửa chữa thường xuyên.*

Đây là công việc mang tính duy tu, bảo dưỡng có tính chất thường xuyên. Khối lượng sửa chữa không nhiều, vì vậy các chi phí sửa chữa được hạch toán trực tiếp vào chi phí SXKD. Nếu chi phí nhỏ được hạch toán trực tiếp vào SXKD trong kỳ, chi phí lớn sẽ được phân bổ dần.

Sơ đồ hạch toán sửa chữa thường xuyên được phản ánh ở sơ đồ 26.

**Sửa chữa lớn TSCĐ.*

Sửa chữa lớn TSCĐ là công việc sửa chữa có tính chất thay thế, đại tu những bộ phận, chi tiết bị hư hỏng của TSCĐ nhằm khôi phục năng lực làm việc của TSCĐ trong quá trình sửa chữa lớn TSCĐ ngừng hoạt động. Chi phí để sửa chữa lớn khá cao, thời gian sửa chữa thường kéo dài, công việc sửa chữa có thể tiến hành theo kế hoạch hoặc ngoài kế hoạch. Toàn bộ chi phí sửa chữa được tập hợp riêng, sau khi hoàn thành được coi như một khoản dự toán và sẽ được đưa vào chi phí phải trả (nếu sửa chữa theo kế hoạch) hay chi phí trả trước (nếu sửa chữa ngoài kế hoạch).

Việc hạch toán quá trình sửa chữa lớn mang tính phục hồi được tiến hành như sau:

+ Tập hợp chi phí sửa chữa theo từng công trình:

- Nếu thuê ngoài sửa chữa:

Phản ánh số tiền phải trả theo hợp đồng cho người nhận thầu sửa chữa lớn khi hoàn thành công trình sửa chữa, bàn giao:

Nợ TK 241 (2413): chi phí sửa chữa thực tế.

Nợ TK 133 (1331): thuế GTGT được khấu trừ.

Có TK 331 : tổng số tiền phải trả theo hợp đồng.

- Nếu do doanh nghiệp tự làm:

Nợ TK 241 (2413): tập hợp chi phí sửa chữa thực tế.

Có các TK liên quan (111, 112, 152, 214, 334, 338...)

+ Kết chuyển giá thành công trình sửa chữa khi hoàn thành:

Nợ TK 335: Giá thành sửa chữa trong kế hoạch.

Nợ TK 242: giá thành sửa chữa ngoài kế hoạch.

Có TK 241(2413): Giá thành thực tế công tác sửa chữa.

Trình tự hạch toán TSCĐ được phản ánh qua sơ đồ 27.

5. Kiểm kê, đánh giá lại TSCĐ.

Trong quá trình hoạt động SXKD doanh nghiệp được đánh giá lại TSCĐ trong các trường hợp sau:

- Kiểm kê đánh giá lại tài sản theo quyết định của Nhà nước.
- Thực hiện cổ phần hoá.
- Dùng tài sản để đi liên doanh góp vốn cổ phần hoặc nhận tài sản liên doanh về.
- Đánh giá lại TSCĐ khi nâng cấp, trang bị lắp đặt thêm hoặc tháo dỡ bớt bộ phận của tài sản đó.

Khi kiểm kê, đánh giá lại tài sản mọi trường hợp thừa hoặc thiếu đều phải truy tìm nguyên nhân. Căn cứ vào biên bản kiểm kê TSCĐ và kết luận của Hội đồng kiểm kê để hạch toán chính xác, kịp thời theo từng nguyên nhân cụ thể.

- Nếu TSCĐ thừa do chưa ghi sổ, kế toán phải căn cứ vào hồ sơ TSCĐ để ghi tăng TSCĐ tùy theo từng trường hợp cụ thể.

- Nếu TSCĐ phát hiện thừa được xác định là TSCĐ của đơn vị khác thì phải báo ngay cho đơn vị chủ tài sản đó biết. Nếu chưa xác định được đơn vị chủ tài sản, trong thời gian chờ xử lý, kế toán phải căn cứ vào tài liệu kiểm kê, tạm thời

phản ánh vào tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán để theo dõi giữ hộ. TSCĐ phát hiện thiếu trong kiểm kê phải được truy cứu nguyên nhân, xác định người chịu trách nhiệm và xử lý theo đúng quy định hiện hành của chế độ tài chính tùy theo từng trường hợp cụ thể.

Doanh nghiệp phải đánh giá lại TSCĐ theo mặt bằng của thời điểm đánh giá theo quyết định của Nhà nước. Khi đánh giá lại TSCĐ doanh nghiệp thành lập hội đồng đánh giá lại TSCĐ xác định lại nguyên giá, giá trị hao mòn. Chứng từ kế toán đánh giá lại TSCĐ là biên bản đánh giá lại TSCĐ.

Phần II:

Thực trạng tổ chức kế toán TSCĐ hữu hình tại công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi.

I. Tình hình và đặc điểm chung của Công ty Cổ phần thiết bị thủy lợi.

1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.

Tên công ty: Công ty Cổ phần thiết bị thủy lợi.

Tên giao dịch: Hydraulic equipment joint stock company.

Tên viết tắt: HESCO.

Địa chỉ trụ sở chính: Km 10, đường Nguyễn Trãi (Hà Nội- Hà Đông), Thanh Xuân- Hà Nội.

Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi tiền thân là nhà máy sửa chữa ô tô Bộ thủy lợi, được thành lập ngày 15/4/1967. Ngày 16/3/1993 đổi tên thành Nhà máy thiết

bị Thủy Lợi, ngày 16/7/1996 đổi tên thành Công ty chế tạo và sửa chữa thiết bị Thủy Lợi.

Ngày 27/12/2002 có quyết định của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn số 5984 chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi.

Qua 30 năm Công ty đã trưởng thành và phát triển vững vàng, điều này được thể hiện ở quy mô và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi:

Chỉ tiêu	ĐVT	2002	2003	2004
Tổng TSCĐ	đồng	4.427.538.361	3.794.322.467	4.153.347.519
Tổng TSLĐ	đồng	19.439.220.581	34.261.877.507	34.661.413.974
Tổng nguồn vốn	đồng	23.866.758.942	38.056.199.974	38.814.761.493
Số CBCNV	Người	205	203	197
TN bình quân	đ/người/th	1.066.545	1.607.829	1.731.000
LN trước thuế	đồng	218.322.491	688.248.323	1.099.385.677
Thuế & các khoản đã nộp	đồng	510.433.537	309.761.978	-185.095.692
Doanh thu	đồng	19.571.619.757	19.071.377.543	27.971.394.177
Giá vốn	đồng	17.536.369.910	17.344.243.226	25.487.258.068

2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty.

Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi có chức năng, nhiệm vụ sau:

- Sửa chữa, gia công, phục hồi, chế tạo thiết bị máy móc thủy lợi.
- Sửa chữa máy bơm, ô tô và xe thi công.
- Lắp ráp sửa chữa phần cơ khí, điện các trạm bơm, trạm thủy điện, cầu lặn, cầu trục, đường ống các công trình thủy lợi, nông nghiệp và chế biến nông lâm sản.
- Xây dựng và lắp đặt trạm bơm điện vừa và nhỏ, trạm thủy điện nhỏ.

- Xây dựng lắp đặt các công trình thuỷ lợi, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Thi công các công trình cấp nước sạch.

- Thi công xây lắp điện hạ thế và trung thế.

- Sản xuất, lắp đặt kết cấu thép, khung nhà xưởng, cột Viba, cột điện cao thế.

- Đúc, phun, mạ kẽm.

- Kinh doanh nhà ở, khách sạn, du lịch, dịch vụ cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

- Lữ hành nội địa và các dịch vụ phục vụ khách du lịch.

3. Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và bộ máy quản lý của Công ty.

Công ty Cổ phần thiết bị thuỷ lợi là doanh nghiệp sản xuất có nhiệm vụ chuyên sửa chữa, gia công phục hồi chế tạo máy móc, thiết bị phục vụ cho ngành thuỷ lợi, phục vụ nông nghiệp, gia công cơ khí theo yêu cầu của khách hàng.

Đặc điểm tổ chức sản xuất của công ty là sản xuất theo đơn đặt hàng, sản phẩm mang tính đơn chiếc có quy mô tương đối lớn, với chu kỳ sản xuất dài chịu ảnh hưởng thời vụ, thời tiết. Địa bàn hoạt động thường là vùng nông thôn nên gặp rất nhiều khó khăn do cơ sở hạ tầng yếu kém.

Để đảm bảo quản lý có hiệu quả, bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần thiết bị thuỷ lợi được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng. Lãnh đạo cấp trên không chỉ giao nhiệm vụ, tạo mọi điều kiện mà còn chịu trách nhiệm trực tiếp trước mọi hoạt động và mọi thành bại của cấp dưới do mình phụ trách. Các phòng ban chức năng là tham mưu cho lãnh đạo, được uỷ quyền giải quyết những vấn đề do mình phụ trách. Nhờ đó, có điều kiện khai thác trình độ chuyên môn của các chuyên gia, nâng cao hiệu quả quản lý.

Ưu điểm của mô hình này là thực hiện nghiêm túc chế độ một thủ trưởng theo nguyên tắc dân chủ tập trung, hiệu lực chỉ huy mạnh mẽ, kịp thời; chất lượng hiệu quả của các quyết định được đảm bảo và nâng cao. Lãnh đạo nhờ có các phòng ban mà có điều kiện tập trung sức lực và trí tuệ để giải quyết các vấn đề mang tầm chiến lược.

Bộ máy của công ty gồm:

Ban giám đốc:

- Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm giám đốc công ty.
- Phó chủ tịch hội đồng quản trị kiêm phó giám đốc công ty.

Các phòng chức năng:

- Phòng Tổ chức- hành chính: có nhiệm vụ bố trí, sắp xếp lao động trong Công ty về số lượng, trình độ, phụ trách công tác tiền lương, chế độ chính sách.

- Phòng Kỹ thuật- kế hoạch: Lập kế hoạch sản xuất cho từng tháng, tổng hợp số lượng vật tư, lập kế hoạch chuẩn bị sản xuất từng tháng và xây dựng định mức về kinh tế kỹ thuật trong sản xuất, khắc phục những sai sót về công nghệ và đảm bảo chất lượng sản phẩm, thiết kế mẫu.

- Phòng Tài chính- kế toán: Thu nhận, phản ánh, hệ thống hoá, xử lý và cung cấp thông tin về hoạt động kinh tế tài chính ở đơn vị, quản lý vốn và thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ đối với Nhà nước tạo điều kiện cho việc kiểm tra hoạt động kinh tế tài chính, kiểm tra việc chấp hành các chính sách của Nhà nước.

- Ngoài ra còn có các đơn vị trực thuộc Công ty gồm 5 xí nghiệp: XN I, II, III, IV, V.

(Sơ đồ bộ máy quản lý tại Công ty- Sơ đồ 01)

4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán ở Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi.

4.1. Tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán ở Công ty Cổ phần thiết bị thủy lợi được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung. Phương pháp kế toán hàng tồn kho áp dụng tại Công ty là phương pháp kê khai thường xuyên. Công ty nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ.

Theo hình thức kế toán tập trung: ở văn phòng có phòng kế toán, ở các xí nghiệp không tổ chức kế toán riêng mà chỉ bố trí nhân viên hạch toán làm nhiệm vụ hướng dẫn hạch toán ban đầu, thu nhận và kiểm tra chứng từ ban đầu để định kỳ chuyển về phòng kế toán để kiểm tra và ghi sổ kế toán.

Cụ thể bộ máy kế toán tại Công ty được tổ chức như sau: ở từng xí nghiệp, Công ty không bố trí nhân viên kế toán mà bố trí nhân viên hạch toán thống kê .

Phòng kế toán của Công ty gồm 4 người thực hiện theo yêu cầu công tác kế toán cụ thể:

***Kế toán trưởng:** Phân công, kiểm tra, đôn đốc công việc của từng kế toán viên trong công ty. Lập kế hoạch tài chính, quý, năm và dài hạn. Kiểm tra ký hợp đồng và thanh lý. Tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ kế toán cho đội ngũ kế toán viên. Kiểm tra ký duyệt chứng từ mua hàng, bán hàng, chứng từ thu tiền mặt, báo cáo quyết toán. Bảo quản lưu trữ tài liệu.

***Phó phòng kế toán kiêm kế toán tổng hợp:** 01 người

+ Ghi chép hạch toán các nghiệp vụ về hoạt động tài chính, sản xuất kinh doanh, hoạt động khác...

+ Lập bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Tập hợp chi phí sản xuất, theo dõi bán thành phẩm, đánh giá sản phẩm dở dang.

+ Tính lương thời gian (CBCNV) và lương thành phẩm (LĐ), tính trích các khoản theo lương, theo dõi tình hình thanh toán tiền lương, thưởng, phụ cấp, trợ cấp cho người lao động.

***Kế toán TSCĐ:** Theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ, lập Bảng khấu hao và trích nộp khấu hao TSCĐ hàng tháng... lập các Báo cáo nội bộ về tình hình tăng giảm TSCĐ ...đồng thời quản lý nguồn vốn của Công ty bao gồm nguồn vốn kinh doanh và các quỹ trong Công ty.

***Kế toán NVL:** Mở thẻ kho, sổ chi tiết cho từng loại vật tư có lũy kế tháng, quý, năm. Kiểm tra từng nội dung, tính hợp lệ của từng chứng từ nhập xuất vật liệu. Tổng hợp toàn bộ các đơn vị sử dụng vật tư trình lãnh đạo.

4.2. Chế độ kế toán:

Hiện nay Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp, sử dụng các tài khoản kế toán theo quyết định số 1141 TC/QĐ/CĐKT ngày 1/11/1995 của Bộ Tài chính và các quy định sửa đổi, bổ sung. Hình thức kế toán tại Công ty là hình thức chứng từ ghi sổ (Sơ đồ 03).

Niên độ kế toán: theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12.

Kỳ lập báo cáo: Công ty tiến hành lập báo cáo theo tháng, quý, năm.

Kế toán hàng tồn kho: được hạch toán theo phương pháp kiểm kê cuối kỳ.
(Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty- Sơ đồ 02)

ii. thực trạng tổ chức hạch toán tscđ tại công ty cổ phần thiết bị thủy lợi.

1. Phân loại TSCĐ tại Công ty Cổ phần thiết bị Thủy lợi. (Số liệu trên sổ kế toán đến ngày 31/12/2003).

a. Theo hình thái biểu hiện:

STT	Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Tỷ trọng(%)
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc	4.836.751.917	56,57
2.	Máy móc thiết bị	2.680.307.069	31,34
3.	Phương tiện vận tải	903.015.867	10,56
4.	Thiết bị dụng cụ quản lý	129.928.126	1,52
	Tổng cộng	8.549.992.979	100

b. Theo tình hình sử dụng:

STT	Tài sản cố định	Nguyên giá	Tỷ trọng(%)
1.	TSCĐ đang dùng	8.386.413.534	98,08
2.	TSCĐ chưa cần dùng		
3.	TSCĐ chờ thanh lý	163.589.445	1,92
	Tổng cộng	8.549.992.979	100

Qua hai bảng số liệu trên cho ta thấy tình hình sử dụng TSCĐ tại công ty: TSCĐ là nhà cửa, vật kiến trúc chiếm tỷ lệ lớn nhất trong tổng TSCĐ, máy móc thiết bị chiếm tỷ lệ chỉ có 31,34%, tiếp đó là phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý với tỷ lệ tương ứng 10,56% và 1,52%. Trong đó TSCĐ đang dùng tại công ty chiếm tới 98,08%, TSCĐ chờ thanh lý chỉ có 1,92% và không có TSCĐ chưa đưa vào sử dụng.

2. Hạch toán chi tiết TSCĐ.

Tại Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi việc hạch toán TSCĐ luôn dựa trên một hệ thống các chứng từ gốc chứng minh đầy đủ, tính hợp pháp và hợp lệ cho các nghiệp vụ phát sinh, bao gồm:

+ Hồ sơ mời thầu, Kết quả đấu thầu, Hợp đồng mua bán, Biên bản thanh lý hợp đồng, Biên bản giao nhận TSCĐ, Hoá đơn GTGT, Biên bản thanh lý, Biên bản kiểm kê TSCĐ và các chứng từ thanh toán liên quan.

Căn cứ vào các chứng từ thích hợp, Công ty quản lý TSCĐ theo:

+ Hồ sơ kỹ thuật do phòng kỹ thuật lập và lưu trữ.

+ Hồ sơ kế toán do phòng kế toán lập và lưu trữ.

Đồng thời, để thực hiện kế toán chi tiết TSCĐ, kế toán ở Công ty sử dụng các sổ: Sổ theo dõi TSCĐ theo nơi sử dụng (Mẫu sổ theo quy định của Bộ Tài Chính-Biểu số 1).

3. Hạch toán tổng hợp TSCĐ.

a. Kế toán tổng hợp tăng TSCĐ.

**Tăng TSCĐ do mua sắm:*

Căn cứ nhu cầu đầu tư đổi mới máy móc thiết bị sản xuất của từng xí nghiệp, Ban giám đốc sẽ ra quyết định mua sắm máy móc. Là một doanh nghiệp cổ phần, nguồn vốn đầu tư mới của ngân sách cho Công ty là không có. TSCĐ của Công ty được trang bị từ nguồn vốn kinh doanh, vốn vay hoặc quỹ đầu tư phát triển. Việc mua sắm TSCĐ được thực hiện bằng ký kết hợp đồng giữa bên mua và bên bán. Hợp đồng nêu rõ tên TSCĐ, chủng loại, quy cách phẩm chất, thời gian giao hàng, giá cả, phương thức thanh toán.

Các chứng từ sử dụng trong trường hợp này gồm:

- Hợp đồng kinh tế mua bán TSCĐ (Biểu số 4).
- Biên bản nghiệm thu và bàn giao TSCĐ (Biểu số 5).
- Hoá đơn GTGT (Biểu số 10).
- Biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế.

Ví dụ 01: Căn cứ vào hợp đồng kinh tế số 13 được ký duyệt ngày 06/10/2003 giữa Công ty cổ phần thiết bị Thủy Lợi và Công ty vật tư thiết bị và xây dựng Sơn Tùng về việc công ty VTTB &XD Sơn Tùng bán cho công ty cổ phần thiết bị Thủy Lợi 01 máy cắt tôn 2000x8 hàng bãi. Giá mua là 350.000.000 đ chưa kể

thuế VAT (thuế GTGT là 5%), chi phí lắp đặt và vận chuyển do bên bán chịu, thanh toán bằng tiền mặt, đã ứng 250.000.000 đ thanh toán hết khi nhận máy.

Khi công việc hoàn thành kế toán tập hợp các chứng từ có liên quan để lập thành hồ sơ và chứng từ:

- Hợp đồng kinh tế.
- Biên bản nghiệm thu bàn giao.
- Hoá đơn GTGT.
- Phiếu chi tiền mặt.
- Chứng từ ghi sổ.

Căn cứ vào hoá đơn giá trị gia tăng, biên bản giao nhận tài sản, phiếu chi, kế toán hạch toán như sau:

Kế toán lập chứng từ ghi sổ:

BT1: Ghi tăng nguyên giá TSCĐ:

Nợ TK 211- Máy móc thiết bị:	350.000.000
Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ:	17.500.000
Có TK 111- Tiền Việt nam:	50.000.000
Có TK 331- Phải trả người bán:	117.500.000
Có TK 142- Nguyễn Hồng Phú:	200.000.000

BT2: Đồng thời ghi kết chuyển nguồn vốn kinh doanh

Nợ TK 414- Quỹ đầu tư phát triển :	350.000.000
Có TK 411- Nguồn vốn kinh doanh:	350.000.000

b.Kế toán tổng hợp giảm TSCĐ.

Hiện nay tại Công ty cổ phần thiết bị Thủy Lợi thì hầu hết các TSCĐ giảm do thanh lý hoặc nhượng bán cho đơn vị khác. Những TSCĐ này là những tài sản đã lạc hậu, cũ nát, qua nhiều lần sửa chữa nhưng chúng không đem lại hiệu quả kinh tế cho đơn vị hoặc có đem lại thì hiệu quả kinh tế nhưng thấp hơn các máy móc thiết bị hiện có trên thị trường.

**** Trường hợp giảm do nhượng bán:***

Tại Công ty cổ phần thiết bị Thủy Lợi, việc nhượng bán TSCĐ là công việc không diễn ra thường xuyên do vậy nó được coi là hoạt động bất thường của đơn vị.

Trước khi nhượng bán TSCĐ các đơn vị, bộ phận trong Công ty phải làm đơn đề nghị nhượng bán TSCĐ không cần dùng lên Hội đồng quản trị. Sau khi được chấp nhận, công ty sẽ thực hiện việc ký kết hợp đồng mua bán TSCĐ với bên có nhu cầu mua. Tiếp theo là bàn giao thiết bị cho bên mua, đồng thời sẽ viết hoá đơn thanh toán giao cho bên mua. Đây là căn cứ để lập phiếu thu tiền, sau đó cùng với bên mua Công ty sẽ lập biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế. Cuối cùng kế toán sẽ hạch toán ghi giảm TSCĐ hiện có của Công ty và hạch toán phần thu nhập.

Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế bán TSCĐ.
- Hoá đơn thanh toán.
- Biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế.

***Trường hợp giảm TSCĐ do thanh lý.**

Cũng như trường hợp nhượng bán TSCĐ hoạt động thanh lý ở Công ty cổ phần thiết bị Thủy Lợi được coi là bất thường.

Để thanh lý một TSCĐ các đơn vị, bộ phận trong Công ty phải làm đơn đề nghị thanh lý TSCĐ lên Hội đồng quản trị. Sau khi được chấp nhận Công ty sẽ thành lập hội đồng thanh lý do Giám đốc kiêm chủ tịch hội đồng quản trị làm trưởng ban đánh giá TSCĐ thanh lý nói trên. Từ đó làm cơ sở lập quyết định giá. Sau khi có quyết định giá công ty sẽ bàn giao TSCĐ cho đối tượng có nhu cầu và đồng thời phát hành hoá đơn GTGT để làm cơ sở thanh toán. Căn cứ sổ chi tiết TSCĐ thanh lý, kế toán ghi giảm TSCĐ hiện có tại công ty và hạch toán phần thu nhập và các chi phí phát sinh.

Chứng từ sử dụng:

- Đơn xin thanh lý TSCĐ(Biểu số 6).
- Biên bản thanh lý TSCĐ (Biểu số 8)
- Quyết định giá.
- Hoá đơn GTGT(Biểu số 10)

Ví dụ 02: Căn cứ theo nghị quyết của cuộc họp cán bộ chủ chốt ngày 04 tháng 07 năm 2003. Công ty đã ký kết hợp đồng kinh tế bán máy búa hơi cho Công ty

Bách Khoa với nguyên giá 11.451.389 đ, giá trị hao mòn lũy kế 1.145.140 đ, giá nhượng bán 10.000.000 đ, chi phí thanh lý 50.000.

Căn cứ vào các chứng từ kế toán phản ánh vào sổ như sau:

BT1: Xoá sổ TSCĐ thanh lý:

Nợ TK 214(2141): 1.145.140

Nợ TK 811 : 10.306.249

Có 211 : 11.451.389

BT2: Phản ánh số tiền thu hồi từ thanh lý tài sản trên, thu bằng tiền mặt:

Nợ TK 111, 131 : 10.000.000

Có TK 711: 10.000.000

BT3: Chi phí thanh lý doanh nghiệp chi bằng tiền mặt:

Nợ TK 811: 50.000

Có TK 111: 50.000

Và ngày 12/08/2003 căn cứ vào phiếu thu tiền mặt (Biểu số 11) do Công ty Bách Khoa nộp số tiền thanh toán cho TSCĐ đã mua. Kế toán ghi:

BT4: Nợ TK 111: 10.000.000

Có TK 131: 10.000.000

4. Kế toán khấu hao TSCĐ.

Tại Công ty cổ phần thiết bị Thủy Lợi việc trích khấu hao TSCĐ, xác định thời gian và mức tính khấu hao TSCĐ căn cứ vào khung thời gian cho mỗi nhóm TSCĐ do Bộ Tài chính ban hành.

Hiện tại niên độ của Công ty áp dụng từ 01/01/N đến 31/12/N của năm dương lịch và kỳ kế toán tạm thời được áp dụng là từng quý trong năm.

Mức khấu hao TSCĐ ở công ty được xác định căn cứ vào nguyên giá TSCĐ và thời gian sử dụng định mức của từng loại TSCĐ.

$$\begin{aligned} \text{Mức khấu hao TSCĐ} &= \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Số năm sử dụng định mức}} \\ \text{Mức trích khấu hao} &= \frac{\text{Mức khấu hao TSCĐ năm}}{\text{4 (quý)}} \\ \text{TSCĐ bình quân quý} & \end{aligned}$$

Ví dụ 03: Tại phòng Kỹ thuật- Kế hoạch của công ty đang sử dụng một máy vi tính Intel nguyên giá là 15.700.000 đ với thời gian sử dụng dự kiến là 5 năm. TSCĐ này được đưa vào sử dụng năm 2002 . Công ty đã tiến hành tính khấu hao cho máy vi tính này như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức khấu hao} \\ \text{TB hàng năm} \end{array} = \frac{15.700.000}{5} = 3.140.000$$

$$\begin{array}{l} \text{Mức khấu hao TB} \\ \text{hàng quý} \end{array} = \frac{3.140.000}{4} = 785.000$$

Định kỳ căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, kế toán tính khấu hao và phân bổ cho các đối tượng sử dụng TSCĐ.

Bảng tính khấu hao và phân bổ khấu hao TSCĐ(Biểu số 12, 15)

5. Kế toán sửa chữa TSCĐ.

*** Kế toán sửa chữa nhỏ TSCĐ.**

Các TSCĐ ở Công ty cổ phần thiết bị Thủy Lợi có nhu cầu sửa chữa nhỏ chủ yếu là các máy móc thiết bị sử dụng cho công việc văn phòng như: Hệ thống máy vi tính, máy photocopy, máy in và các công việc bảo dưỡng thay thế phụ tùng nhỏ. Do vậy, toàn bộ chi phí của các bộ phận có TSCĐ sửa chữa này được tập hợp trực tiếp vào các tài khoản chi phí của các bộ phận có TSCĐ sửa chữa.

Ví dụ 04: Căn cứ vào phiếu chi tiền ngày 05/8/2003 thanh toán tiền sửa chữa và bảo dưỡng toàn bộ các máy vi tính của các văn phòng công ty, tổng số tiền là 1.200.000 đ.

Kế toán ghi sổ:

Nợ TK 642 :1.200.000

Có TK 111: 1.200.000

*** Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ.**

Tại Công ty cổ phần thiết bị Thủy Lợi việc sửa chữa lớn TSCĐ không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn. Do vậy toàn bộ chi phí sửa chữa lớn thực tế được tính trực tiếp vào chi phí trong kỳ hoặc kết chuyển vào TK 142 (142.1) rồi phân bổ dần vào các kỳ tiếp theo.

Việc sửa chữa lớn TSCĐ thường do Công ty thuê ngoài, để tiến hành sửa chữa lớn TSCĐ, công ty tiến hành các thủ tục ký kết hợp đồng với bên sửa chữa. Khi kết thúc quá trình sửa chữa hai bên lập biên bản thanh lý hợp đồng.

Ví dụ 05: Ngày 15/07/2003 Công ty cổ phần thiết bị Thủy Lợi đã ký với Công ty xây dựng Sông Đà về việc sửa chữa và cải tạo nhà xưởng, kiốt 10 gian với giá dự toán là 300.542.867 đ với các thủ tục chứng từ như sau:

- Hợp đồng xây lắp.
- Biên bản thanh lý hợp đồng.
- Hoá đơn GTGT.

Kế toán hạch toán:

BT1: Tập hợp chi phí sửa chữa thực tế phát sinh:

Nợ TK 241 : 300.542.867

Nợ TK 133 : 15.027.143

Có TK 111: 315.570.010

BT2: Kết chuyển giá thành công trình sửa chữa khi hoàn thành:

Nợ TK 335 : 300.542.867

Có TK 241(241.3) : 300.542.867

6. Công tác kiểm tra và đánh giá lại TSCĐ.

Đến cuối năm 2003 Công ty đã tiến hành kiểm kê TSCĐ và thấy rằng TSCĐ trên sổ sách và trên thực tế trùng khớp nhau, không có TSCĐ thừa, thiếu nên không có nghiệp vụ đánh giá lại TSCĐ.

7. Phân tích tình hình TSCĐ.

Bảng phân tích tình hình và hiệu quả sử dụng tài sản cố định tại Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi.

ĐVT:VNĐ

— Chi tiêu	Năm 2002	Năm 2003	%
	(1)	(2)	(2)-(1) (3)= (1)
1. Nguyên giá TSCĐ đầu năm	8.182.139.655	8.549.992.979	4,4
Nhà cửa, vật kiến trúc	4.786.893.343	4.836.751.917	1
Máy móc thiết bị	2.376.988.319	2.680.307.069	12,76
Phương tiện vận tải	903.015.867	903.015.867	0
Thiết bị quản lý	115.242.126	129.928.126	12,7
TSCĐ khác	0	0	0
2. Giá trị hao mòn TSCĐ	4.113.926.942	4.755.670.512	15,62
Hệ số hao mòn TSCĐ (2/1)	50,27	55,52	
3. Giá trị còn lại TSCĐ (1-2)	4.068.212.713	3.794.322.457	-6,7
Hệ số còn TSCĐ (3/1)			
4. TSCĐ mới đưa vào sử dụng trong năm	1.959.828.851	490.958.574	-74,9
Hệ số đổi mới TSCĐ (4/1)	23,95	5,74	
5. TSCĐ thanh lý	105.956.693	123.105.430	16,2
Hệ số loại bỏ TSCĐ (5/1)	1,29	1,43	
6. Tổng tài sản	23.866.758.942	38.056.199.974	59,5
7. Lợi nhuận trước thuế	218.322.491	688.248.323	215,2
8. Sức sinh lợi của TSCĐ (7/1)	0,026	0,08	

Qua bảng phân tích trên ta thấy:

Trong cơ cấu TSCĐ của Công ty, nhà cửa, vật kiến trúc chiếm tỷ trọng lớn nhất (58,50% và 56,57%), nhưng trong 2 năm 2002 và 2003 loại TSCĐ này tăng không đáng kể chỉ có 1%. Năm 2003 TSCĐ là máy móc, thiết bị và thiết bị quản lý tăng từ 2.376.988.319 lên 2.680.307.069 và từ 115.242.126 lên 129.928.126

tương ứng tỷ lệ 12,76% và 12,7%, các chỉ tiêu khác hầu như không thay đổi. Điều này chứng tỏ Công ty đã chú trọng vào việc đầu tư máy móc, thiết bị cho SXKD.

Tuy nhiên qua các chỉ tiêu về hệ số hao mòn, hệ số đổi mới TSCĐ ta thấy TSCĐ của Công ty ít có sự đổi mới, Công ty hầu như không có hoạt động đầu tư mua sắm với giá trị lớn. Như vậy sức sinh lợi của một đồng vốn cố định tăng không đáng kể năm 2002 là 0,026 và năm 2003 là 0,08.

Qua việc phân tích trên ta thấy:

Hiệu quả sử dụng TSCĐ ở Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi chưa cao. Nguyên nhân là do Công ty vừa mới cổ phần hoá nên công tác cải cách hành chính, các kế hoạch đổi mới và đầu tư vào TSCĐ đang được hoàn thiện. Đây là hướng đi đúng đắn nhằm thúc đẩy hoạt động SXKD: tăng doanh thu, giảm chi phí, tăng lợi nhuận, tạo niềm tin cho CBCNV gắn bó với công việc, cống hiến hết mình vì Công ty.

Phần III:

Đánh giá chung và một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức quản lý và hạch toán nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ tại công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi.

I. Đánh giá chung về công tác kế toán tscđ tại công ty cổ phần thiết bị thủy lợi.

Gần 30 năm phát triển và trưởng thành, công ty luôn duy trì được sản xuất, tạo đủ việc làm và ổn định cuộc sống cho người lao động, chế độ chính sách với người lao động được thực hiện đầy đủ. Mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước được hoàn thành. Trang thiết bị, cơ sở vật chất của Công ty không ngừng được bổ sung. Giá trị sản lượng tăng qua các năm hoạt động. Chất lượng sản phẩm và uy tín của Công ty ngày càng được nâng cao.

Qua tìm hiểu thực tế công tác tổ chức hạch toán kế toán tại Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi trong đó có tổ chức hạch toán TSCĐ. Em mạnh dạn đưa ra những nhận xét về công tác kế toán của công ty như sau:

1. Ưu điểm:

- Trong công tác phân loại TSCĐ Công ty đã phân loại theo 2 cách:

+ Phân loại theo hình thái biểu hiện cho biết kết cấu của TSCĐ sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Từ đó căn cứ vào nhu cầu nhiệm vụ của sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ có phương hướng đầu tư TSCĐ một cách đúng đắn, đạt hiệu quả cao trong quá trình sản xuất kinh doanh.

+ Phân loại theo tình hình sử dụng: Công ty biết chính xác TSCĐ nào đang tham gia vào quá trình hoạt động SXKD, tài sản nào chưa dùng có ở kho từ đó có kế hoạch sử dụng, phát huy hiệu quả kinh tế, đồng thời có biện pháp xử lý những TSCĐ không cần dùng, cũ nát tồn trong kho như nhượng bán, thanh lý kịp thời TSCĐ ấy. Từ đó tiết kiệm được chi phí bảo quản và kho không bị ứ đọng vốn thúc đẩy hoạt động SXKD được tốt hơn.

- Trong công tác quản lý cũng như hạch toán TSCĐ tại Công ty:

+ Tổ chức kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi được tổ chức gọn nhẹ, hợp với xu thế chung là giảm các bộ phận gián tiếp, tăng cường bộ phận trực tiếp. Cán bộ công nhân viên luôn gắn chặt trách nhiệm với quyền lợi và hiệu quả kinh doanh từng bộ phận.

+ Trong công tác kế toán tổng hợp nói chung và kế toán TSCĐ nói riêng đã đạt được những thành quả nhất định. Trong Công ty mọi trường hợp tăng, giảm TSCĐ đều được thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước, của ngành, đảm bảo có đầy đủ các chứng từ hợp lý và hợp lệ về mua sắm, nhượng bán, thanh lý

TSCĐ. Các nghiệp vụ phát sinh về tăng, giảm TSCĐ đều được phản ánh kịp thời trên sổ sách kế toán thích hợp.

- Các chứng từ, biên bản trong bộ hồ sơ TSCĐ rõ ràng, hợp lý theo đúng quy định của Bộ Tài Chính. Hệ thống sổ sách kế toán tương đối đầy đủ. Hàng tháng các loại sổ theo dõi được mở ghi chép theo trình tự nghiêm ngặt.

- Công tác kiểm kê được thực hiện cuối mỗi năm giúp lãnh đạo Công ty nắm được thực trạng TSCĐ. Từ đó có biện pháp quản lý, sử dụng, đầu tư, sửa chữa, đổi mới kịp thời.

- Về công tác quản lý TSCĐ và vốn:

+ Công tác quản lý tài sản và vốn là công tác hết sức phức tạp và khó khăn mặc dù vậy công ty vẫn thực hiện sự bảo toàn vốn trong quá trình hoạt động, không những vậy mà vốn kinh doanh của công ty không ngừng tăng sau mỗi kỳ hoạt động.

+ Công tác quản lý TSCĐ ở công ty được thực hiện chặt chẽ và nghiêm túc do vậy không để xảy ra hiện tượng mất và thất thoát tài sản.

Đây là thành tích không chỉ riêng của phòng kế toán mà còn có sự đóng góp của toàn bộ cán bộ công nhân viên trong ý thức giữ gìn và bảo quản của công.

2. Những tồn tại và hạn chế trong công tác quản lý TSCĐ tại công ty.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được trong công tác tổ chức và quản lý TSCĐ tại Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi vẫn còn một số tồn tại và hạn chế sau mà theo em cần khắc phục trong thời gian tới.

Thứ nhất: Về tổ chức bộ máy kế toán.

Hiện nay, bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi gồm 4 người, tiến hành thu nhận, xử lý và hệ thống hoá thông tin kế toán trên phần mềm kế toán Excel. Trong đó có một kế toán kiêm thủ quỹ, điều này là chưa đúng so với quy định của Luật kế toán. Cụ thể, việc bố trí nhân viên kế toán như hiện nay của Công ty đã vi phạm điều 51- Luật kế toán: “Thủ kho, thủ quỹ trong cùng một đơn vị kế toán là doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp, tổ chức có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và đơn vị sự nghiệp, tổ chức không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước ” không được làm kế toán.

Hiện nay hệ thống cơ sở vật chất cho việc tổ chức công tác kế toán trong công ty là khá hiện đại với giàn máy vi tính mới nhưng công ty vẫn chưa áp dụng phần mềm kế toán máy vào công tác kế toán để nâng cao khả năng cung cấp thông tin kịp thời hơn cho nhà quản lý, giảm thiểu công tác kế toán trong công ty.

Thứ hai: Về công tác sửa chữa TSCĐ.

Là một doanh nghiệp sản xuất, TSCĐ chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản nhưng Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi không có kế hoạch sửa chữa TSCĐ định kỳ mà chỉ tiến hành sửa chữa TSCĐ theo yêu cầu thực tế phát sinh. Do chi phí sửa chữa TSCĐ không được trích trước đã ảnh hưởng đến chỉ tiêu giá thành sản xuất trong kỳ làm cho giá thành không ổn định giữa các kỳ kinh doanh, ảnh hưởng không tốt đến sự hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Thứ ba: Về công tác hạch toán và tính khấu hao.

Hiện tại, Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi đang sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tất cả các loại máy móc thiết bị. Đây là phương pháp chưa thích hợp đối với Công ty. Bởi vì, TSCĐ của Công ty gồm nhiều loại máy móc thiết bị khác nhau về thời gian sử dụng, công suất thiết kế, mục đích sử dụng, có những loại máy móc thiết bị thuộc lĩnh vực công nghệ dễ lạc hậu, phải thường xuyên cập nhật. Trong điều kiện Công ty không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đặt ra thì đây chính là nguyên nhân dẫn đến giá thành sản phẩm tăng, lợi nhuận giảm. Do đó, nếu vẫn giữ nguyên phương pháp tính khấu hao trên thì giá thành sản phẩm sẽ không chính xác.

Thứ tư: Về quản lý và sử dụng TSCĐ.

Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi mới được cổ phần hoá, khi chuyển giao TSCĐ có sự giao nhận chưa chặt chẽ, dẫn đến quá trình theo dõi tài sản giữa thực tế và sổ sách có nhiều khó khăn: Hồ sơ TSCĐ không đầy đủ, thậm chí một số TSCĐ thiếu hồ sơ gốc gây khó khăn và thiếu sức thuyết phục trong việc thanh lý TSCĐ của Công ty.

Các thông tin kế toán về TSCĐ được cung cấp kịp thời nhưng chỉ ở mức thông tin ban đầu như: Tổng giá trị thuần TSCĐ, giá trị TSCĐ tăng trong kỳ, giá trị TSCĐ giảm trong kỳ, giá trị TSCĐ mới tăng trong kỳ, nguyên giá TSCĐ bị loại bỏ trong kỳ, tổng mức khấu hao.

Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng TSCĐ rất ít. Vì vậy, hiệu quả sử dụng TSCĐ chưa được phản ánh một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời. Đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến lãnh đạo Công ty có kế hoạch trang bị và sử dụng máy móc thiết bị hiện đại vào quản lý và sản xuất nhưng chưa toàn diện.

Ngoài ra, trong công tác quản lý phòng kế toán của Công ty đã không mở Thẻ TSCĐ, sổ tài sản theo từng đơn vị sử dụng nên không theo dõi chi tiết cho từng TSCĐ của doanh nghiệp.

Do đó, để quản lý và sử dụng TSCĐ tốt hơn, bộ phận kế toán và bộ phận quản lý TSCĐ của Công ty cần cung cấp thông tin về TSCĐ theo các chỉ tiêu hiệu quả tài chính một cách đầy đủ hơn.

ii. phương hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả sử dụng tscđ tại công ty cổ phần thiết bị thủy lợi.

1.Thứ nhất: Về tổ chức bộ máy kế toán.

Để thực hiện đúng quy định của Luật kế toán, Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi không được bố trí kế toán kiêm thủ quỹ như hiện nay. Thay vào đó Công ty cần bố trí thêm một nhân viên thủ quỹ riêng. Nhân viên này không được làm kế toán.

2. Thứ hai: Về công tác trích trước chi phí sửa chữa lớn.

Để máy móc thiết bị của Công ty hoạt động đúng công suất thiết kế, nâng cấp TSCĐ sau một thời gian sử dụng đáp ứng được nhu cầu SXKD, Công ty cần xây dựng kế hoạch sửa chữa TSCĐ theo yêu cầu kỹ thuật của từng TSCĐ. Định kỳ Công ty cần tiến hành sửa chữa theo kế hoạch đã đặt ra.

Do Công ty không tiến hành lập kế hoạch sửa chữa lớn TSCĐ nên việc trích trước chi phí hoặc phân bổ dần chi phí sửa chữa lớn TSCĐ không được thực hiện gây đột phá giá thành khi có chi phí sửa chữa lớn phát sinh.

Vì thế hàng năm Công ty nên có kế hoạch sửa chữa lớn TSCĐ trong kỳ tránh sự đột biến giá thành SXKD.

Việc trích trước tiến hành theo sơ đồ 26

3. Thứ ba: Về công tác hạch toán và tính khấu hao TSCĐ.

Đề phù hợp với tình hình SXKD, đảm bảo tính đúng, đủ khấu hao TSCĐ, Công ty nên sử dụng phương pháp khấu hao TSCĐ phù hợp với từng TSCĐ của Công ty. Cụ thể theo quy định của quyết định 206/2003/QĐ-BTC:

Sử dụng phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh đối với những TSCĐ thoả mãn đồng thời các điều kiện sau:

- + Là TSCĐ đầu tư mới (chưa qua sử dụng);
- + Là các loại máy móc, thiết bị, dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm.

Phương pháp này được áp dụng đối với các TSCĐ thuộc lĩnh vực có công nghệ đòi hỏi phải thay đổi, phát triển nhanh.

4. Thứ tư: Về quản lý và sử dụng TSCĐ.

Về sử dụng TSCĐ: Công ty cần có kế hoạch tăng thời gian sử dụng TSCĐ nhằm tận dụng năng lực sẵn có, tránh lãng phí.

Bộ phận kế toán cần thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kế toán về tình hình sử dụng TSCĐ. Từ đó, đánh giá hiệu quả sử dụng TSCĐ ở Công ty. Các chỉ tiêu này bao gồm: mức độ trang bị TSCĐ cho một lao động, hiệu suất sử dụng TSCĐ, sức sinh lợi của TSCĐ, tỷ suất đầu tư TSCĐ, hệ số giảm TSCĐ, hệ số đổi mới TSCĐ, hệ số loại bỏ TSCĐ, hệ số hao mòn TSCĐ. Từ đó, lãnh đạo nắm được thực trạng TSCĐ và ra những quyết định phù hợp.

5. Thứ năm: Mở Thẻ TSCĐ và Sổ tài sản theo từng đơn vị sử dụng.

Hiện nay hệ thống sổ sách kế toán của Công ty mới chỉ theo dõi tình hình sử dụng TSCĐ chung của toàn Công ty mà chưa theo dõi chi tiết tình hình sử dụng và trích khấu hao của từng bộ phận để tính giá, kết quả hoạt động kinh doanh của từng bộ phận một cách chính xác. Do vậy Công ty nên mở Thẻ TSCĐ theo mẫu của Bộ Tài chính (Biểu số 2) và Sổ tài sản theo từng đơn vị sử dụng (Biểu số 1).

Ngoài ra phần hoá đơn chứng từ cần được hoàn thiện hơn, cụ thể như mẫu Chứng từ ghi sổ (Biểu số 9) phòng kế toán nên hạch toán một Nợ nhiều Có hoặc nhiều Nợ một Có, vì hạch toán như hiện tại nhiều Nợ nhiều Có sẽ trùng lặp và dễ gây nhầm lẫn.

Trên đây là một số đề xuất mà em mạnh dạn đưa ra nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán TSCĐ ở Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi.

Kết luận

Trải qua gần 30 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi đã và đang có những bước chuyển mình đáng kể để phù hợp với điều kiện mới. Trong điều kiện đó, tổ chức quản lý và hạch toán TSCĐ tại Công ty đóng một vai trò quan trọng.

Trong thời gian thực tập tại Công ty, em đã nắm bắt được tổ chức quản lý và hạch toán TSCĐ tại Công ty. Công ty là một doanh nghiệp sản xuất nên công tác hạch toán TSCĐ là khâu quan trọng cần thường xuyên có sự liên hệ, bổ xung qua lại giữa lý luận và thực tiễn.

Để nâng cao nhận thức về lý luận và hoàn thiện lý luận của mình qua thực tiễn, em đã tìm hiểu và đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức quản lý và hạch toán TSCĐ của đơn vị, em hy vọng những ý kiến này là hữu ích và có tính khả thi. Qua đó

góp phần hoàn thiện và phát huy cao nhất hiệu quả của kế toán đối với việc quản lý doanh nghiệp trong sản xuất và kinh doanh.

Phụ lục

(Biểu số 1)

Sổ tài sản theo đơn vị sử dụng

Năm 200...

Tên đơn vị (phòng, ban hoặc người sử dụng)

Đơn vị...

Ghi tăng tài sản và công cụ lao động							Ghi giảm tài sản và công cụ lao động					
Chứng từ		Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ và công cụ lao động nhỏ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Chứng từ		Lý do	Số lượng	Số tiền	Ghi chú
Số hiệu	Ngày, tháng, năm						Số hiệu	Ngày, tháng, năm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Cộng											

Người ghi sổ
(Ký, họ và tên)

Ngày...tháng...năm
Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

(Biểu số 2)

Đơn vị

Địa chỉ

thẻ tSCĐ

Số...

Ngày...tháng...năm

Tên TSCĐ

Ngày...tháng...năm...lập thẻ

Căn cứ biên bản giao nhận...

Số hiệu TSCĐ...năm sản xuất...nước sản xuất...

Bộ phận sử dụng...

Ngày...tháng...năm...đưa vào sử dụng

Ngày...tháng...năm...dừng hoạt động Lý do...

Chứng từ		Diễn giải	Nguyên giá	Hao mòn (khấu hao)			
Số hiệu	Ngày, tháng			Năm sử dụng	Tỷ lệ khấu hao bình quân	Mức khấu hao	Hao mòn tăng dần

(Biểu số 4)

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

===== *** =====

hợp đồng mua bán thiết bị

Hợp đồng số: 13/HĐMB

- Căn cứ pháp lệnh hợp đồng kinh tế của hội đồng Nhà Nước nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành của các ngành, các cấp công bố ngày 28/09/1989.

- Căn cứ nhu cầu của công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi.

Hôm nay ngày 06/10/2003 tại Công ty cổ phần Thiết bị Thủy Lợi.

Chúng tôi gồm:

Bên A : Công ty cổ phần Thiết bị Thủy Lợi.

Địa chỉ trụ sở chính : Km 10 đường Nguyễn Trãi Hà nội Hà Đông.

Tel : 048544422.

Mã số thuế : 0500437581.

Đại diện là : Ông Nguyễn Huy Quân.

Chức vụ : Giám đốc.

Bên B : Công ty vật tư thiết bị và xây dựng Sơn Tùng.

Địa chỉ trụ sở chính : Số 10- Phạm Văn Đồng- Từ Liêm- Hà nội.

Tel : 048385069.

Mã số thuế : 0100987100.

Đại diện là : Ông Nguyễn Trung Hiếu.

Chức vụ : Giám đốc.

Hai bên bàn bạc, thoả thuận ký kết hợp đồng theo các điều khoản sau:

Điều 1: Bên B cung ứng cho bên A một máy cắt tôn 2000x8 hàng bãi mua theo hiện trạng địa điểm giao hàng tại kho bên A.

Điều 2: Giá như hợp đồng đã ký với công ty chế tạo và sửa chữa thiết bị Thủy Lợi là 350.000.000 đ chưa kể thuế VAT.

Điều 3: Chất lượng và quy cách hàng hoá theo hiện trạng(là hàng bãi)

Điều 4: Bảo hành và hướng dẫn sử dụng hàng hoá:

Bên bán có trách nhiệm bảo hành chất lượng và giá trị sử dụng loại hàng cho bên mua trong thời gian sản xuất ổn định 6 tháng.

Bên bán phải cung cấp đủ mỗi đơn vị hàng hoá một giấy hướng dẫn sử dụng (nếu có).

Điều 5: Phương thức thanh toán chuyển khoản hoặc tiền mặt.

Đã ứng 250.000.000đ thanh toán hết khi ký lại hợp đồng.

Điều 6:

Hợp đồng này thay cho hợp đồng số 13 ký ngày 20/03/2003 có hiệu lực từ ngày ký được lập thành 2 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 1 bản.

Hai bên cam kết nghiêm chỉnh thực hiện các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, nếu có khó khăn trở ngại hai bên cùng bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác.

Đại diện bên A

(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện bên B

(Ký tên, đóng dấu)

(Biểu số 5)

Biên bản giao nhận tscđ

Ngày 29 tháng 04 năm 2003

Căn cứ vào yêu cầu đầu tư chiều sâu của Xi nghiệp III.

Căn cứ nghị quyết số 266/ TBTL ngày 1-3-2002 của Giám đốc công ty về bàn giao tài sản cố định.

Bàn giao tài sản cố định gồm có:

A- Đại diện bên giao:

- Ông Nguyễn Trung Hiếu - Giám đốc công ty.

- Bà Nguyễn Thị Hoa - Kế toán.

B- Đại diện bên nhận:

- Ông Đỗ Công Ba - Phó giám đốc công ty.

- Ông Trần Văn Thái - Kế toán trưởng.

- Ông Đặng Văn Thiệu- Kỹ sư theo dõi thiết bị.

Địa điểm giao nhận: Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi.

Xác nhận việc giao nhận như sau:

STT	Tên ký hiệu, quy cách TSCĐ	Số hiệu TSCĐ	Nước SX	Năm đưa vào sd	Nguyên giá(đ)	Tỷ lệ hao mòn(%)	Tài liệu KT đi kèm
01	Máy cắt tôn		Đức	2003	350.000.000	20	
	Cộng				350.000.000		

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người nhận

Người giao

(Biểu số 6)

Công ty CP Thiết bị thủy lợi

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Số: 02/TBTL

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

=====***=====

"V/v xin thanh lý TS"

Hà Nội, ngày 16 tháng 09 năm 2003

đơn xin thanh lý TSCĐ

Kính gửi: Ông giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Thủy Lợi

Xí nghiệp I - được Công ty giao cho một máy búa hơi B65.310 của Đức được mua từ tháng 7/2002, nguyên giá 11.451.389, đã khấu hao 1.145.140, giá trị còn lại 10.306.249. Hiện nay máy đã lạc hậu đơn vị không có nhu cầu sử dụng. Đề nghị ông Giám đốc công ty xét duyệt cho Xí nghiệp I được thanh lý TS trên.

Tôi xin chân thành cảm ơn. Rất mong được sự quan tâm giúp đỡ

Giám đốc XN I

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu

(Biểu số 7)

Công ty CP thiết bị thủy lợi

Km 10 Nguyễn Trãi- Hà Nội

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

=====*******=====

Biên bản đánh giá tscđ

I. Ban đánh giá TSCĐ gồm:

- Ông Đỗ Công Ba - Phó giám đốc công ty.
- Ông Trần Văn Thái - Kế toán trưởng.
- Bà Ngô Thị Hoà- Kế toán Tài sản cố định.

II. Tiến hành đánh giá TSCĐ.

- Tên, ký, mã hiệu TSCĐ: Máy in Lazes
- Nước sản xuất: Nhật Bản
- Năm sản xuất:
- Năm đưa vào sử dụng: 2000Số thẻ.....
- Nguyên giá TSCĐ: 15.915.000
- Giá trị hao mòn tính tới thời điểm thanh lý: 10.941.563
- Giá trị còn lại của TSCĐ: 4.937.437

III. Đánh giá tình trạng kỹ thuật:

Máy móc lạc hậu, không có nhu cầu sử dụng đề nghị thanh lý.

Ngày 20 tháng 09 năm 2003

Phòng TCKT

Đại diện đơn vị

Giám đốc

IV. Kết quả thanh lý

- Chi phí thanh lý TSCĐ
(Viết bằng chữ)
- Giá trị thu hồi
(Viết bằng chữ)
- Đã ghi giảm (số) thẻ TSCĐ ngày...tháng...năm 200

Ngày...tháng...năm 200

Giám đốc XN I

Kế toán trưởng

(Biểu số 8)

Công ty CP thiết bị thuỷ lợi

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Km 10 Nguyễn Trãi- Hà Nội

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

biên bản thanh lý tscđ

Số 01

Ngày 11 tháng 11 năm 2003

Căn cứ công văn số 02/TBTL ngày 16 tháng 09 năm 2003 của Xí nghiệp I đã được Giám đốc công ty phê duyệt.

Hôm nay ngày 11 tháng 11 năm 2003 Hội đồng thanh lý TS gồm có:

- Ông Đỗ Công Ba - Phó giám đốc công ty.
- Ông Trần Văn Thái - Kế toán trưởng.
- Ông Đặng Văn Thiều- Kỹ sư theo dõi thiết bị.
- Bà Ngô Thị Hoà- Kế toán Tài sản cố định.
- Bà Giang Thị Tứ- Thống kê kiêm thủ kho.

Đã cùng nhau tiến hành thanh lý TSCĐ

- Tên, ký hiệu mã, quy cách cấp hạng TSCĐ: Máy búa hơi
- Số hiệu B65.310
- Nước sản xuất: Đức.
- Năm đưa vào sử dụng: 7/1998
- Nguyên giá TSCĐ: 11.451.389.
- Giá trị đã hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 1.145.140
- Giá trị còn lại của TSCĐ: 10.306.249.

Tình trạng thực tế: Máy đã lạc hậu đơn vị không có nhu cầu sử dụng.

Biên bản lập xong hồi 15h cùng ngày.

XN I

Phòng kế toán

Giám đốc công ty

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

(Biểu số 9)

Cty CP thiết bị thuỷ lợi

Chứng từ ghi sổ

Số ct PC/356

Ngày CT 03/10/2003

Ngày GS 03/12/2003

Diễn giải	Mua máy cắt tôn CTVTTB Sơn Tùng	
Tài khoản	Phát sinh nợ	Phát sinh có
1332- Thuế GTGT được khấu trừ	17.500.000	
2113- Máy móc thiết bị	350.000.000	
1111- Tiền Việt Nam		
3311- Phải trả cho người bán		50.000.000
141- Nguyễn Hồng Phú		117.500.000
		200.000.000
Tổng cộng	367.500.000	367.500.000

Ngày 03/10/2003

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Biểu số 10)

Hoá đơn giá trị gia tăng

Mẫu số: 01 GTKT - 3LL

Liên 2: (Giao cho khách hàng)

BG/99 - B

Ngày 18 tháng 11 năm 2003

Đơn vị bán hàng: Công ty vật tư thiết bị và xây dựng Sơn Tùng

Địa chỉ: Số 10- Phạm Văn Đồng- Từ Liêm- Hà nội.

Mã số thuế: 0100987100

Điện thoại: 04.8385069

Họ và tên người mua hàng:

Đơn vị: Công ty cổ phần thiết bị thuỷ lợi

Địa chỉ: Km 10 đường Nguyễn Trãi- Thanh Xuân- Hà nội

Mã số thuế: 0500437581

Điện thoại : 048544422

TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	B	C	1	2	$3 = 1 \times 2$
.	Máy cắt tôn 200x8 13/HĐMB	Cái	01	350.000.000	350.000.000
Cộng tiền hàng					350.000.000
Thuế suất 5% tiền thuế giá trị gia tăng					17.500.000
Tổng cộng tiền thanh toán					367.500.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

(**Biểu số 11**)

Công ty cổ phần thiết bị thuỷ lợi

Km10 Nguyễn Trãi- Hà Nội

Mẫu số 01/ TT

phiếu thu **Số PT/171:** (QĐ số 1141 - TC/QĐ/CĐKT

Ngày 12 tháng 8 năm 2003

ngày 1/11/1995 của BTC)

Nợ TK: 111 10.000.000

Có TK 33311102 476.190

Có TK 711 9.523.810

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Lê Hoàng

Địa chỉ: Công ty Bách Khoa

Mã số KH: 331164 Tên KH: Nguyễn Lê Hoàng

Lý do thu: Nguyễn Lê Hoàng- Mua máy búa hơi hàng thanh lý

Số tiền: 10.000.000 Viết bằng chữ: (Mười triệu đồng chẵn)

Kèm theo: (01 chứng từ gốc)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ: mười triệu đồng chẵn)

Ngày 12 tháng 8 năm 2003

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

(Biểu số 12)

Bảng phân bổ khấu hao tscđ

Từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2003 ĐVT: VNĐ

TT	TK khấu hao	TK chi phí	Tên TK chi phí	Giá trị phân bổ
	2141	627	KH TSCĐ dùng cho phân xưởng Trong đó:- XNI - XNII - XNIII - XNIV - XNV	34.466.986 15.572.347 17.906.378 4.438.025. 31.298.371
	2141	642	KH TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý	95.224.421
Tổng cộng				198.906.528

(Biểu số 13)

TK211.Cty Cổ phần thiết bị thuỷ lợi

Sổ cái tài khoản

Từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2003

211. Tài sản cố định hữu hình**ĐVT: VNĐ**

Số CT	Ngày CT	Diễn giải	TK.đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Số dư
		<u>Số dư ĐK:Điều chỉnh theo BBKT vốn 2002.TCQLDN & TCTv</u>				<u>8.182.139.835</u>
Pc/209	09/06/03	Máy vi tính phòng KTKH	1111	8.700.000		8.190.839.835
Pc/209b	09/06/03	Máy vi tính phòng Tài chính	1111	8.700.000		8.199.539.835
Pc/209c	09/06/03	Máy vi tính phòng KHKT	1111	8.700.000		8.208.239.835
		<u>Công quý II/2003</u>				8.208.239.835
Ctgs/249	12/08/03	Bán thanh lý máy búa B65.310 Cty Bách Khoa	811		590.415	8.207.649.420
-	-	-	2141		4.859.585	8.202.789.835
Ctgs/259	15/08/03	Bán thanh lý máy tiện T6M16.XN III	811		1.210.625	8.201.579.210
-	-	-	2414		9.964.375	8.191.614.835
Ctgs/260	15/08/03	Bán thanh lý lò tôi vôi tần số cao BK463- LX	811		4.632.637	8.186.982.198
-	-	-	2414		44.397.123	8.142.585.075
Ctgs/288	16/09/03	Bán thanh lý máy tiện T616- 191924	811		1.145.140	8.141.439.935
-	-	-	2414		10.306.249	8.131.133.686

Ctgs/289	16/09/03	Bán thanh lý máy tiện C620-670441	811		1.768.002	8.129.365.684
-	-	-	2414		15.911.998	8.113.453.686
Ctgs/290	16/09/03	Bán thanh lý máy tiện T8M12-75029	811		508.320	8.112.945.366
-	-	-	2141		4.574.879	8.108.370.487
Ctgs/287	17/09/03	Bán thanh lý máy tiện T616- 19293	811		1.187.610	8.107.182.877
-	-	-	2141		10.688.472	8.096.494.405
Ctgs/286	17/09/03	Bán thanh lý xe nâng hàng cho Cty Minh Hải	2141		11.360.000	8.085.134.405
		Cộng quý III/2003				8.085.134.405
Ctgs/403b	11/11/03	Qchi thg 10/03.Máy cắt tôn XNI:350.000.000	111	85.000.000		8.170.134.405
Ctgs/405	11/11/03	Qchi thg 10/03.Máy khoan Đức: 65.000.000	141	230.000.000		8.400.134.405
-	-	-	331	100.000.000		8.500.134.405
Ctgs/461	26/12/03	Điều chỉnh lại nhà xưởng theo giá phê duyệt	214	49.858.574		8.549.992.979
		Cộng quý IV/2003		490.958.574	123.105.430	8.549.992.979
		Cộng phát sinh lũy kế 2003				

Người lập biểu

Ngày 31 tháng 12 năm 2003

Kế toán trưởng

(Biểu số 14)

TK214.Cty Cổ phần thiết bị thuỷ lợi

Sổ cái tài khoản

Từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2003

214. Hao mòn tài sản cố định hữu hìnhĐVT: VNĐ

Số CT	Ngày CT	Diễn giải	TK.đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Số dư
		Số dư ĐK:Điều chỉnh theo BBKT vốn 2002.TCQLDN & TCTv				4.028.185.898
ctgs/56	31/03/03	Trích khấu hao TSCĐ quý I/03	6274		83.383.451	4.111.569.349
-	-		6424		120.208.687	4.231.778.036
		Cộng quý I/2003			203.592.138	4.231.778.036
ctgs/167	30/06/03	Trích khấu hao TSCĐ quý II/03	6274		104.405.568	
			6424		89.463.021	
		Cộng quý II/2003			193.868.589	4.425.646.625
ctgs/249	12/08/03	Bán thanh lý máy búa B65.310 Cty Bách Khoa	211	4.859.585		
ctgs/260	15/08/03	Bán thanh lý lò tôi vôi tần số cao BK463- LX	211	44.397.123		
ctgs/259	15/08/03	Bán thanh lý máy tiện T6M16.XN III	211	9.964.375		
ctgs/288	16/09/03	Bán thanh lý máy tiện T616- 191924	211	10.306.249		
ctgs/289	16/09/03	Bán thanh lý máy tiện C620-670441	211	15.911.998		
ctgs/290	16/09/03	Bán thanh lý máy tiện T8M12-75029	211	4.574.879		

ctgs/287	17/09/03	Bán thanh lý máy tiện T616- 19293	211	10.688.472		
ctgs/286	17/09/03	Bán thanh lý xe nâng hàng cho Cty Minh Hải	211	11.360.000		
ctgs/304	25/09/03	Trích khấu hao TSCĐ quý III/2003	6274		104.267.026	
			6424		89.054.440	
		Cộng quý III/2003		112.062.681	193.321.466	4.506.905.410
ctgs/461	26/12/03	Điều chỉnh lại theo giá được phê duyệt	211		49.858.574	
ctgs/478	30/12/03	Ghi nợ KHCB quý 4/2003	642		198.906.528	
		Cộng quý 4/2003			248.765.102	
		Cộng lũy kế		112.062.681	839.547.295	4.755.670.512

Người lập biểu

Ngày 31 tháng 12 năm 2003

Kế toán trưởng

(Biểu số 15)

Công ty cổ phần
thiết bị thủy lợi

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

khấu hao cơ bản quý 2 năm 2003

ĐVT: VNĐ

tt	Tên tài sản	Ng. giá	Kh(%)	Khcb năm	Khcb quý
	Xí nghiệp I				
1.	Máy tiện T620-64010	16.020.00	12	1.922.400	480.600
2.	- T616-19292	11.451.389	12	1.374.167	343.542
3.	Cầu lặn 10 tấn	300.000.000	12	36.000.000	9.000.000
4.	Nhà văn phòng	30.000.000	20	6.000.000	1.500.000
5.	Máy cắt tôn Cty Sơn Tùng	350.000.000	7	24.500.000	6.125.000
	...				
	Cộng	1.826.547.594		137.332.526	34.333.132
	Xí nghiệp II				
1.	Máy hàn 6 kìm BKCM.1000	7.072.00	12	848.640	212.160
2.	Nhà 18 gian	186.000.000	20	37.200.000	9.300.000
3.	Cải tạo nhà văn phòng	52.890.861	20	10.578.172	2.644.543
	...				
	Cộng	380.518.577		70.103.498	17.525.875
	...				

Tổng hợp quý 2- năm 2003

TT	Đơn vị	Số tiền cả năm	Quý	Tháng
----	--------	----------------	-----	-------

1.	XN cơ khí 1	137.332.526	34.333.132	11.444.377
2.	XN cơ khí 2	70.103.498	17.525.875	5.841.958
3.	XN cơ khí 3	116.270.137	29.067.534	9.689.178
4.	XN cơ khí 4	36.351.508	9.087.877	3.029.292
5.	XN cơ khí 5	81.942.138	19.765.546	6.588.515
	Cộng	441.999.851	109.779.963	36.593.321

Khấu hao từ tháng 4/2003 lấy theo giá Nhà nước đánh giá lại ngày 12/2001. Giá rất thấp với giá thực tế, không có tài sản nào cao hơn so với thị trường. Khấu hao tài sản trong hạch toán nội bộ. Vay thu khấu hao tính từ 01/04/2003. Các tài sản đơn vị đăng ký nhưng chưa dùng chỉ KH 2% để có trách nhiệm bảo quản.

Ghi chú: Khấu hao máy cắt tôn mua Cty Sơn Tùng XN I từ quý 1/04.

(Biểu số 16)**Khung thời gian sử dụng một số loại tài sản cố định hữu hình.**

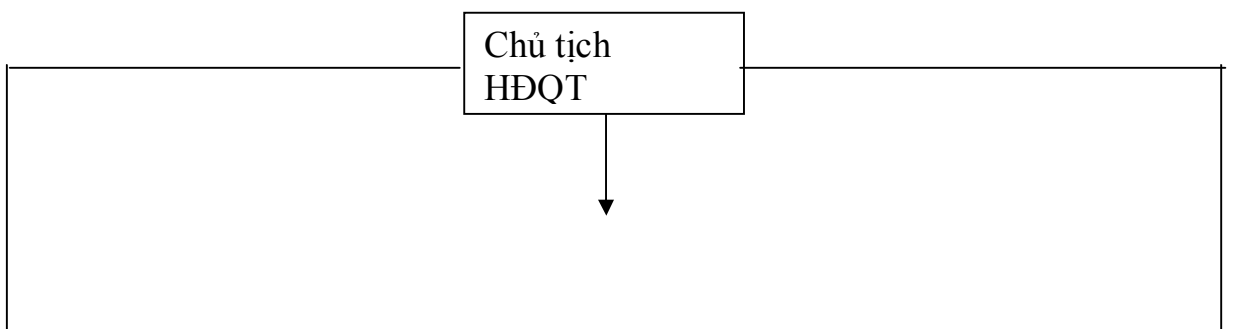
Danh mục các nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng tối thiểu (năm)	Thời gian sử dụng tối đa (năm)
A- Máy móc, thiết bị động lực		
1. Máy động lực	8	10
2. Máy phát điện	7	10
...		
B- Máy móc, thiết bị công tác		
1. Máy công cụ	7	10
2. Máy kéo	6	8
3. Thiết bị luyện kim, gia công bề mặt chống gỉ và ăn mòn kim loại	7	10
...		
C- Dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm		
1. Thiết bị điện, điện tử	5	8
2. Thiết bị chuyên ngành đặc biệt	5	8
3. Thiết bị đo và phân tích lý hoá	6	10
...		
D- Thiết bị và phương tiện vận tải		
1. Phương tiện đường bộ	6	10
2. Thiết bị vận chuyển đường ống	10	30
3. Phương tiện bốc dỡ, nâng hàng	6	10
...		
E- Dụng cụ quản lý		
1. Thiết bị tính toán, đo lường	5	8

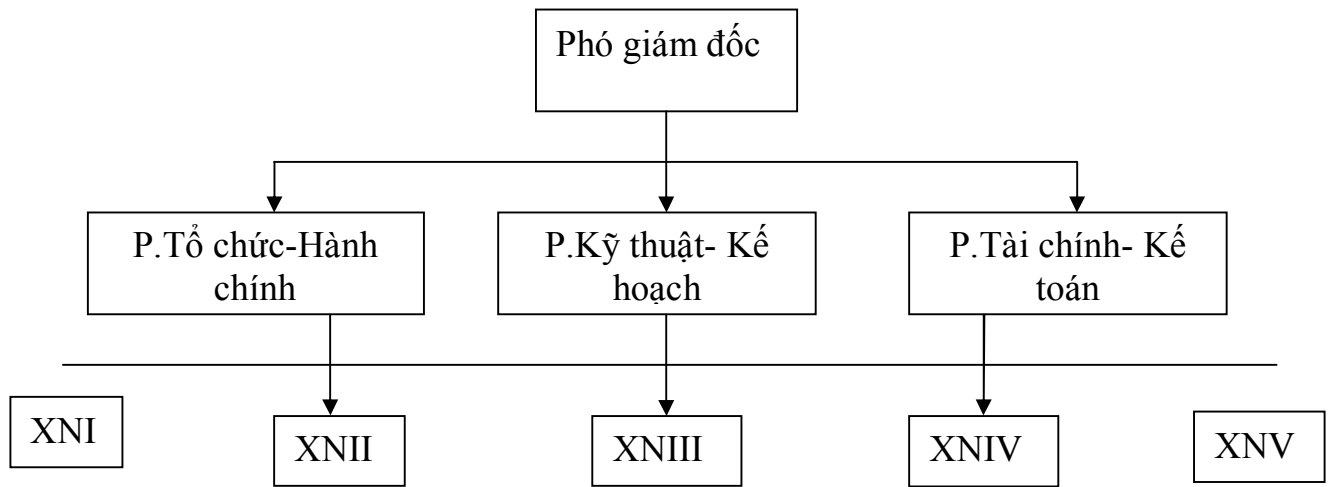
2. Máy móc, thiết bị thông tin, điện tử và phần mềm tin học phục vụ quản lý ...	3	8
F- Nhà cửa, vật kiến trúc		
1. Nhà cửa loại kiên cố (I)	25	50
2. Nhà cửa khác (I)	6	25
3. Kho chứa, bể chứa; cầu, đường, bãi đỗ, sân phơi...	5	20
H- Các loại tài sản cố định khác chưa quy định trong các nhóm trên	4	25

Ghi chú: (I) Nhà cửa loại kiên cố là loại nhà ở, trụ sở làm việc, nhà văn phòng, khách sạn... được xác định là có độ bền vững bậc I, bậc II. Nhà cửa khác là nhà ở, trụ sở làm việc, nhà văn phòng... được xác định là có độ bền vững bậc III, bậc IV theo quy định của Bộ Xây dựng.

Sơ đồ

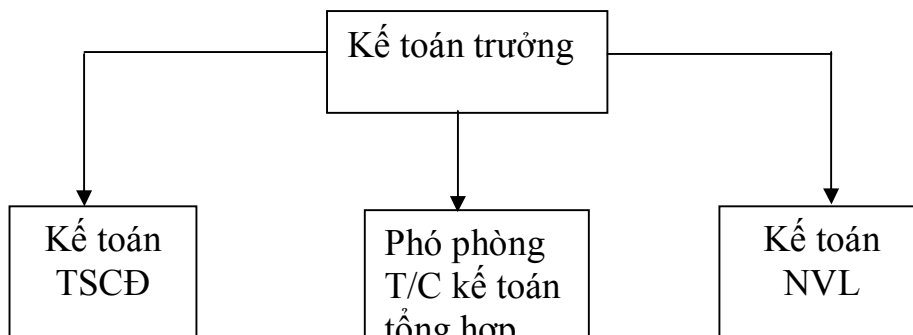
Sơ đồ 01:
bộ máy quản lý tại công ty





Sơ đồ 02:

Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty

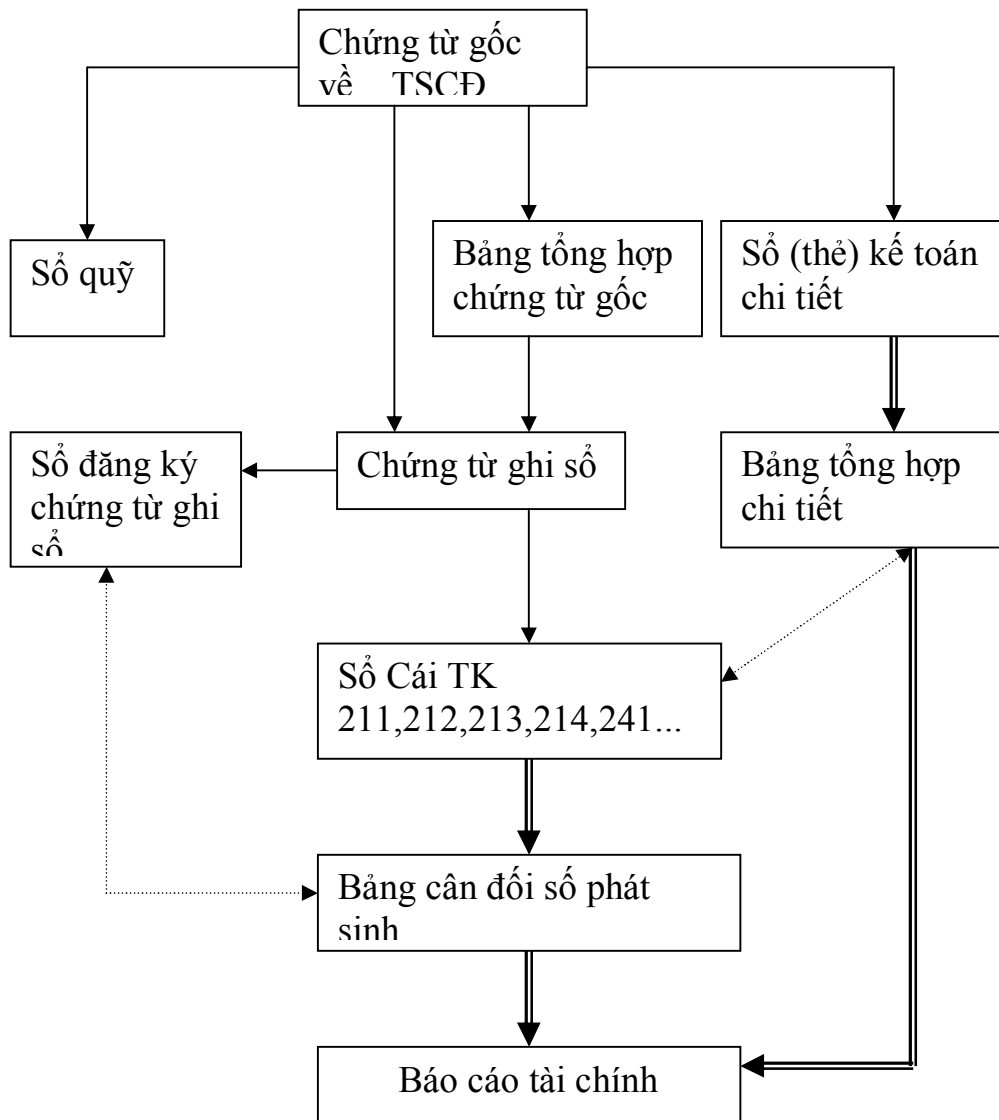


Chú thích:

—————▶ : Giao nhiệm vụ và báo cáo trực tiếp.

.....▶ : Quan hệ theo chức năng nghiệp vụ.

Sơ đồ hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



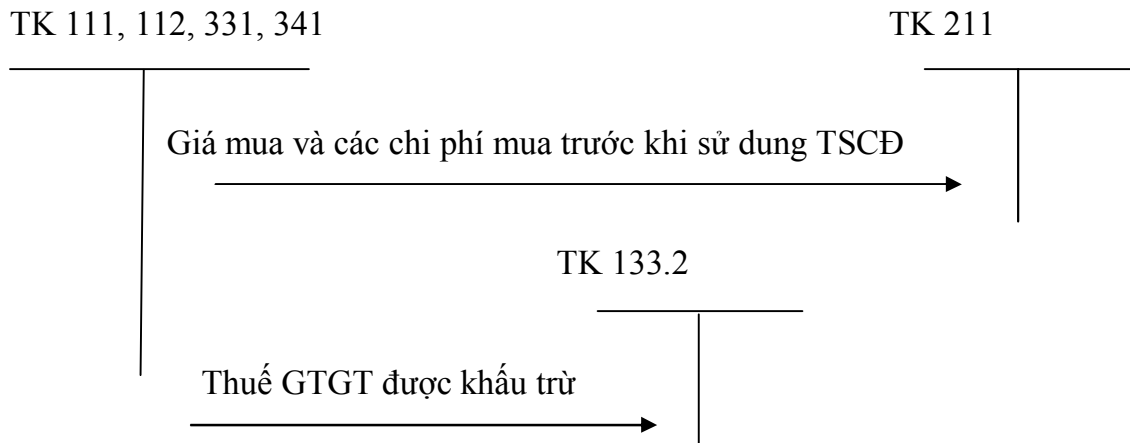
Ghi chú: —————▶ Ghi hàng ngày
=====▶ Ghi định kỳ
◀-----▶ Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 04

Sơ đồ hạch toán tăng TSCĐ hữu hình do mua sắm

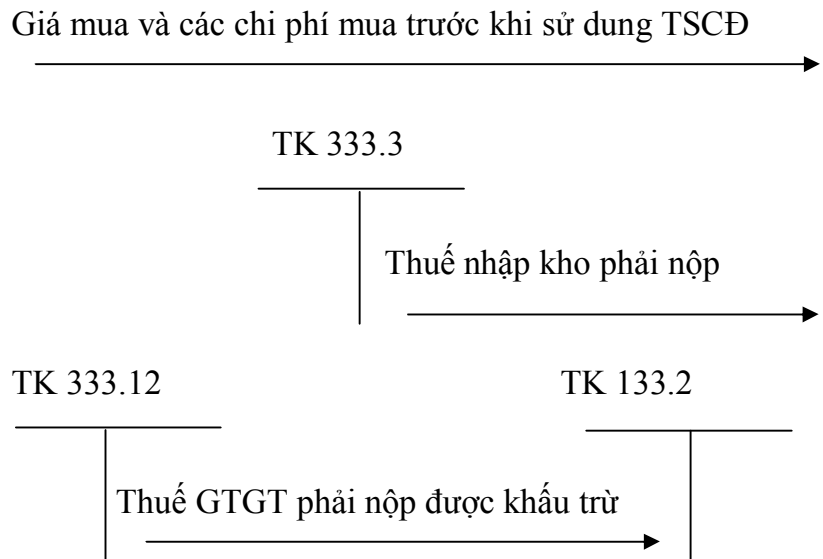
Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Mua sắm trong nước:

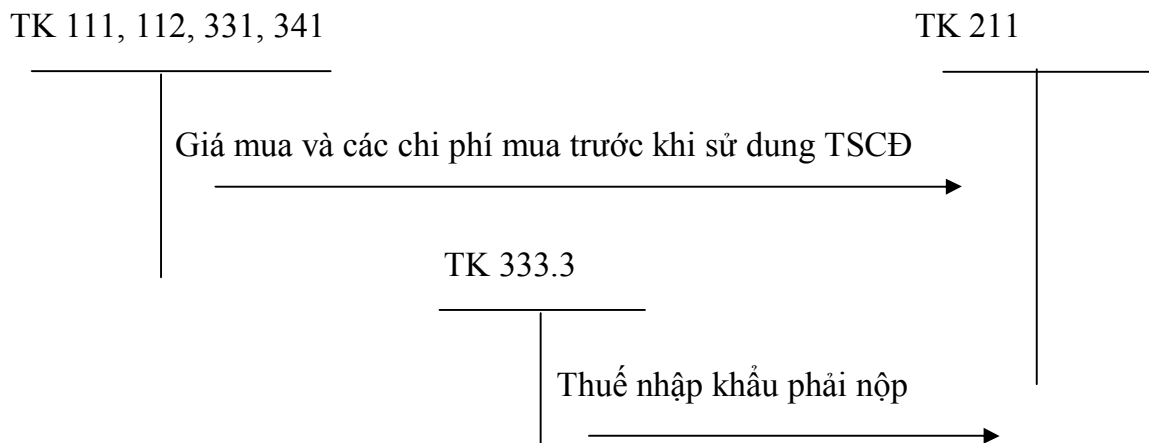


Nhập khẩu





Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

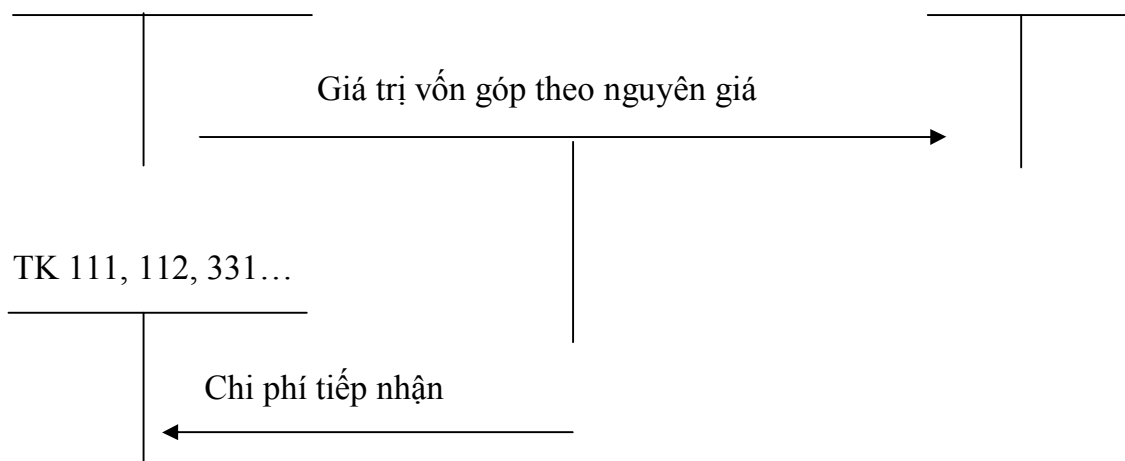


Sơ đồ 05

Sơ đồ hạch toán tăng TSCĐ hữu hình do nhận cấp phát, nhận góp vốn liên doanh

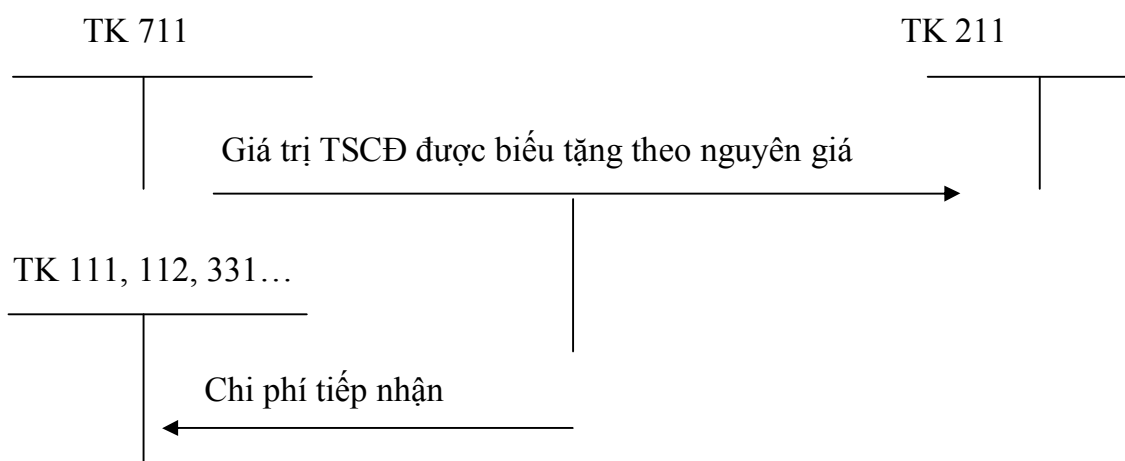
TK 411

TK 211



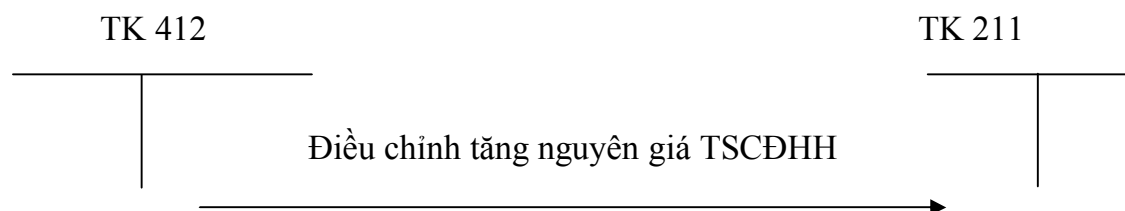
Sơ đồ 06

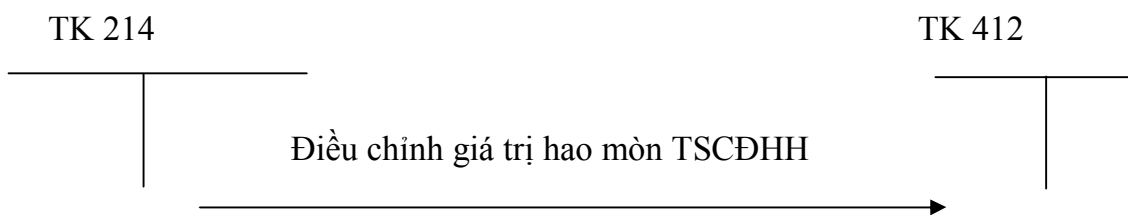
Sơ đồ hạch toán tăng TSCĐ hữu hình do được biếu tặng, viện trợ



Sơ đồ 07

Sơ đồ hạch toán đánh giá tăng TSCĐ hữu hình

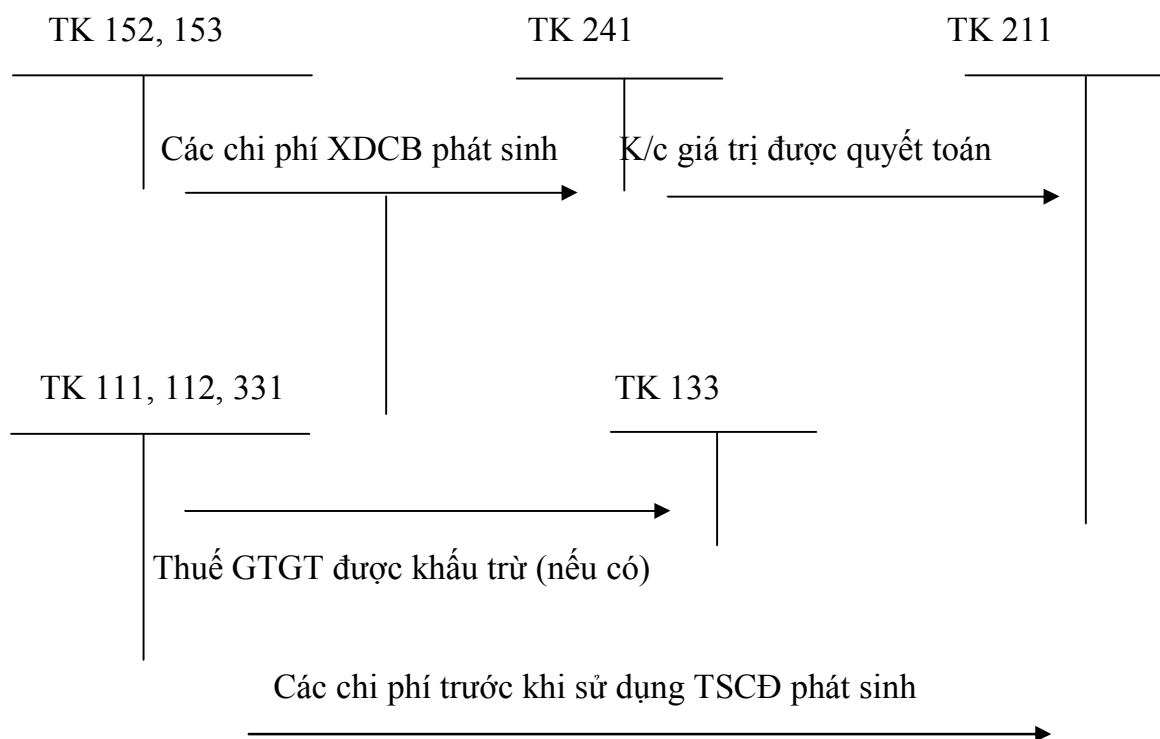




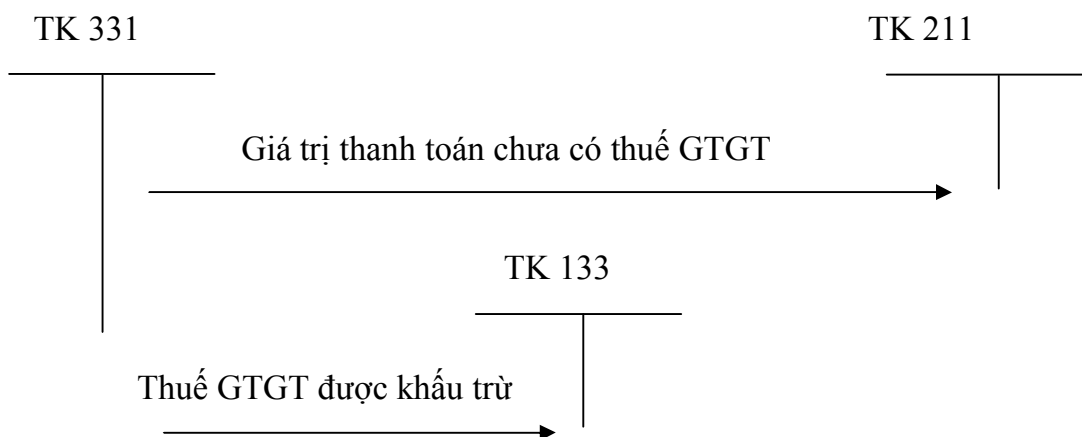
Sơ đồ 08

Sơ đồ hạch toán tăng TSCĐ hữu hình do XDCB hoàn thành bàn giao

XDCB tự làm hoặc giao thầu từng phần:

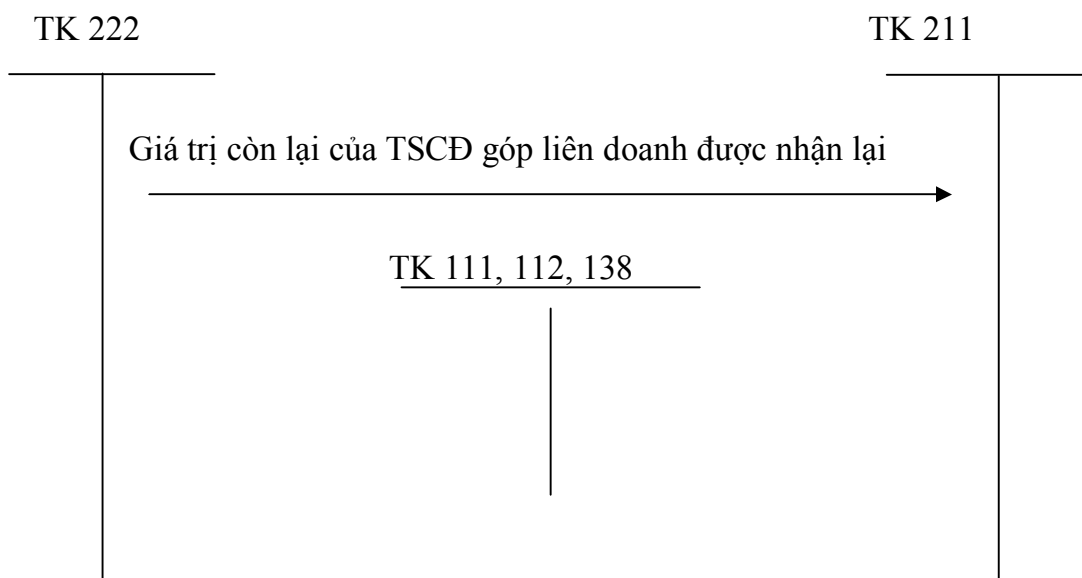


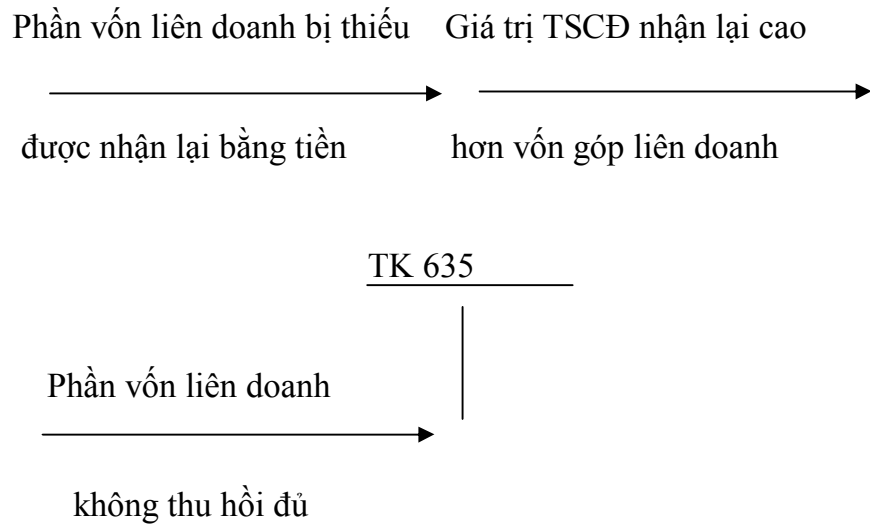
XDCB giao thầu hoàn toàn:



Sơ đồ 09

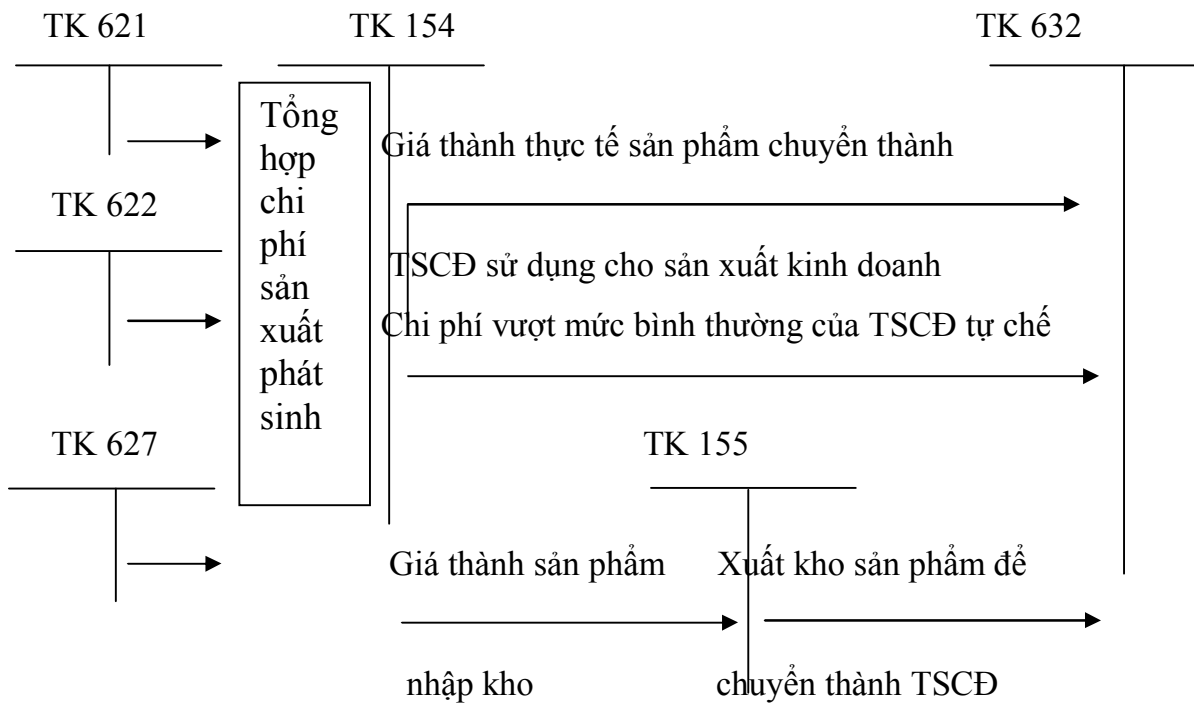
Sơ đồ hạch toán tăng TSCĐ hữu hình do nhận lại vốn góp liên doanh trước đây.



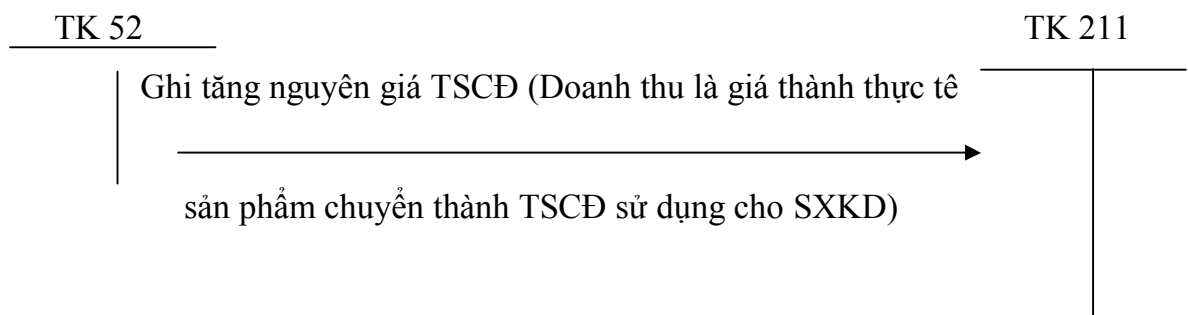


Sơ đồ 10

Sơ đồ kế toán TSCĐ hữu hình tăng do tự chế



Đồng thời ghi:

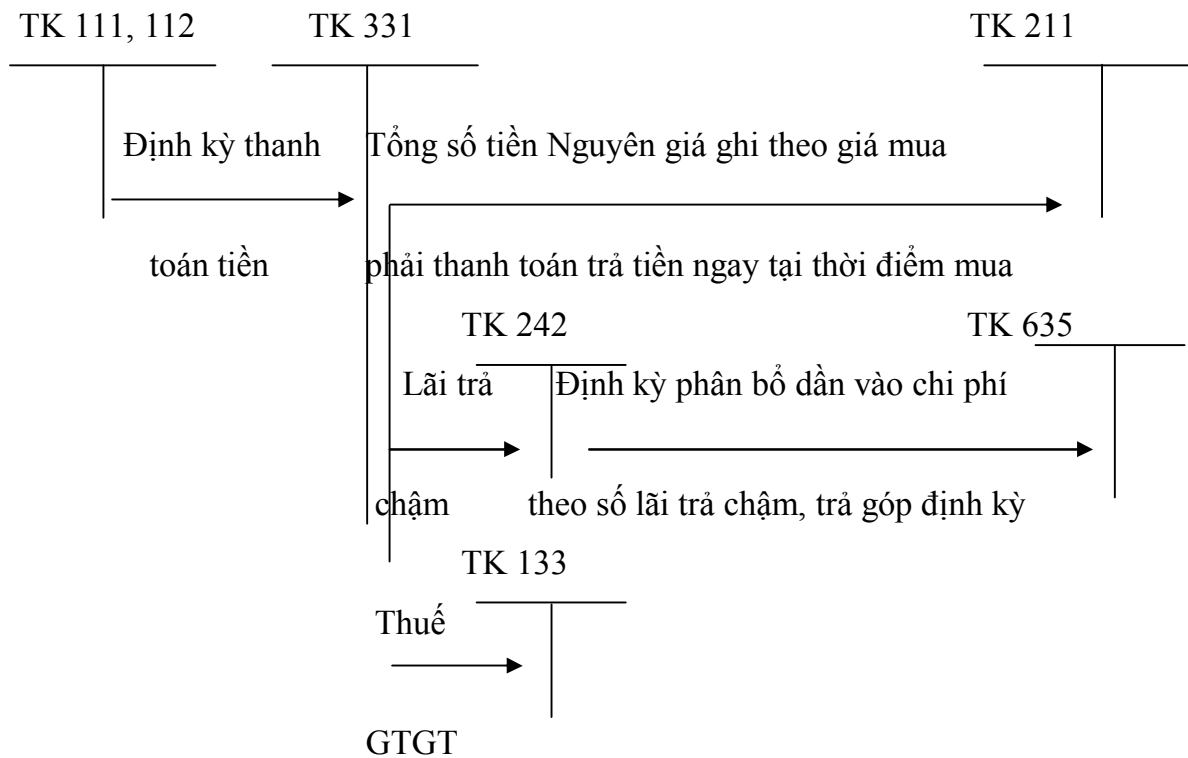


TK 111, 112, 331...

Chi phí lắp đặt chạy thử

Sơ đồ 11

Sơ đồ hạch toán tăng TSCĐ hữu hình do mua sắm trả chậm trả góp

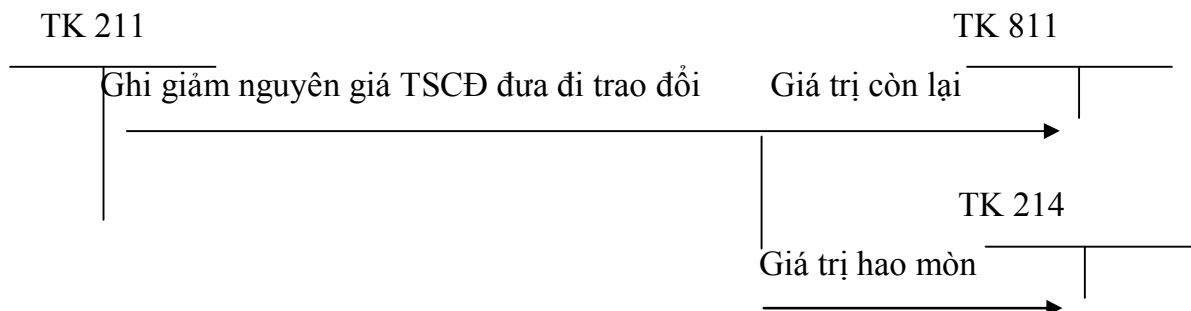


Sơ đồ 12

Sơ đồ hạch toán mua sắm TSCĐ hữu hình dưới hình thức trao đổi không tương tự

1. Khi đưa TSCĐ hữu hình đi trao đổi.

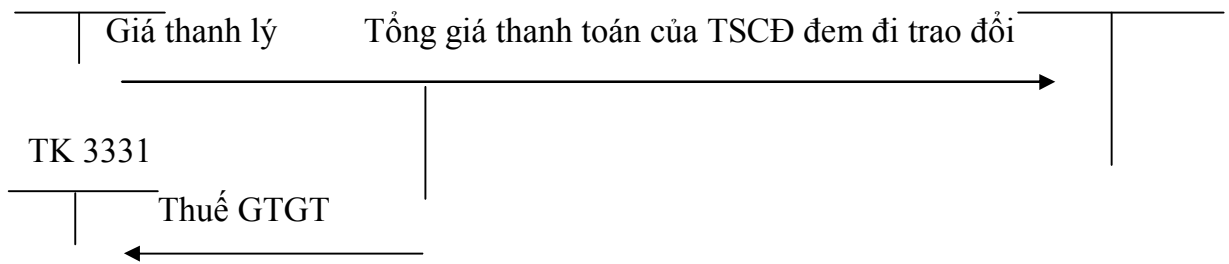
BT1:



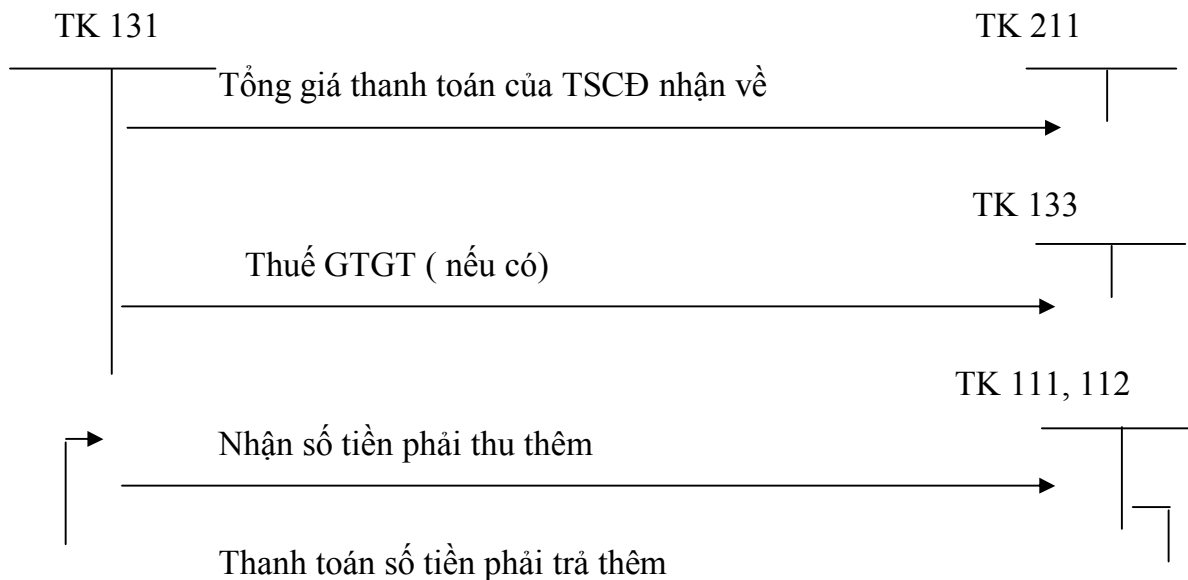
BT2:

TK 711

TK 131

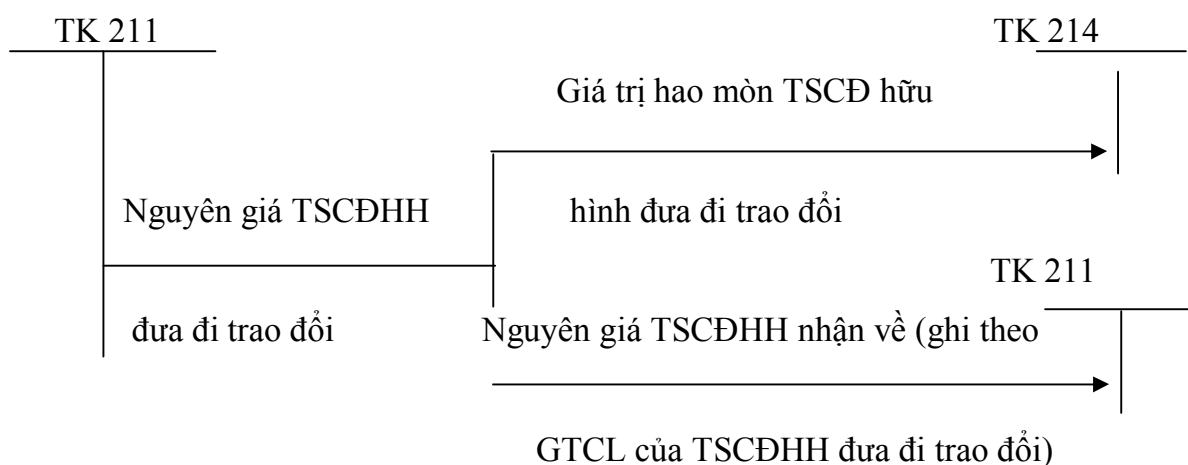


2. Khi nhận được TSCĐ hữu hình do trao đổi:



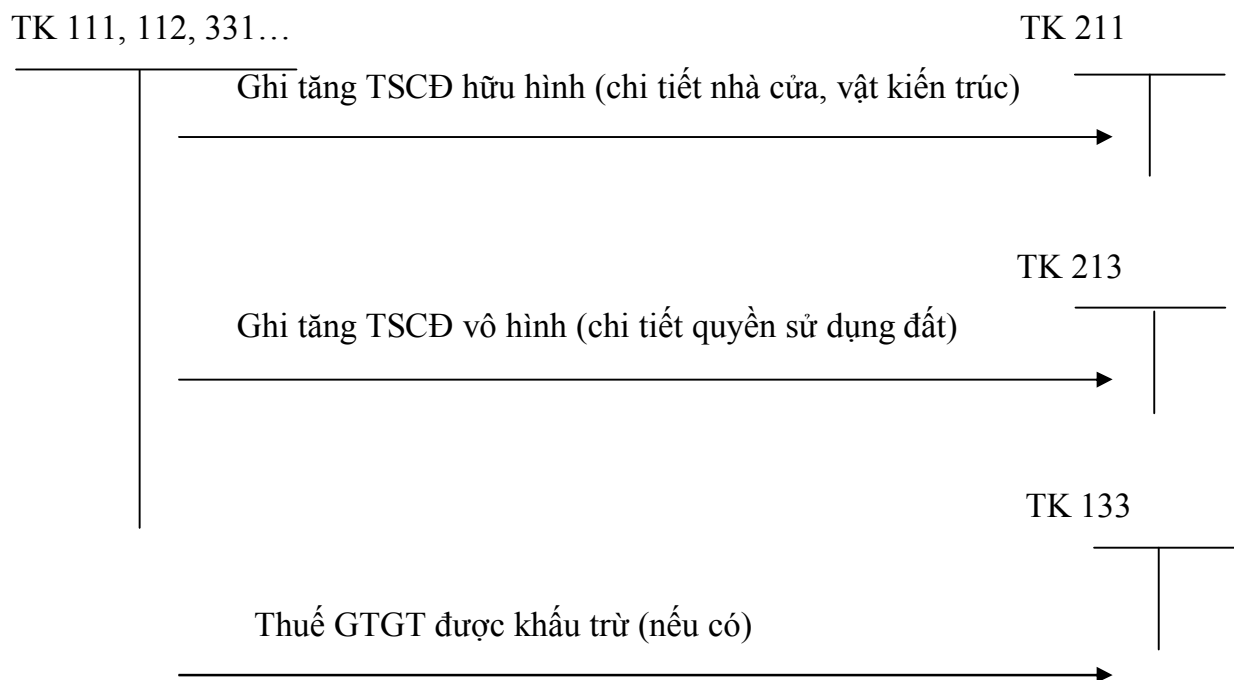
Sơ đồ 13

Sơ đồ hạch toán mua TSCĐ hữu hình dưới hình thức trao đổi tương tự



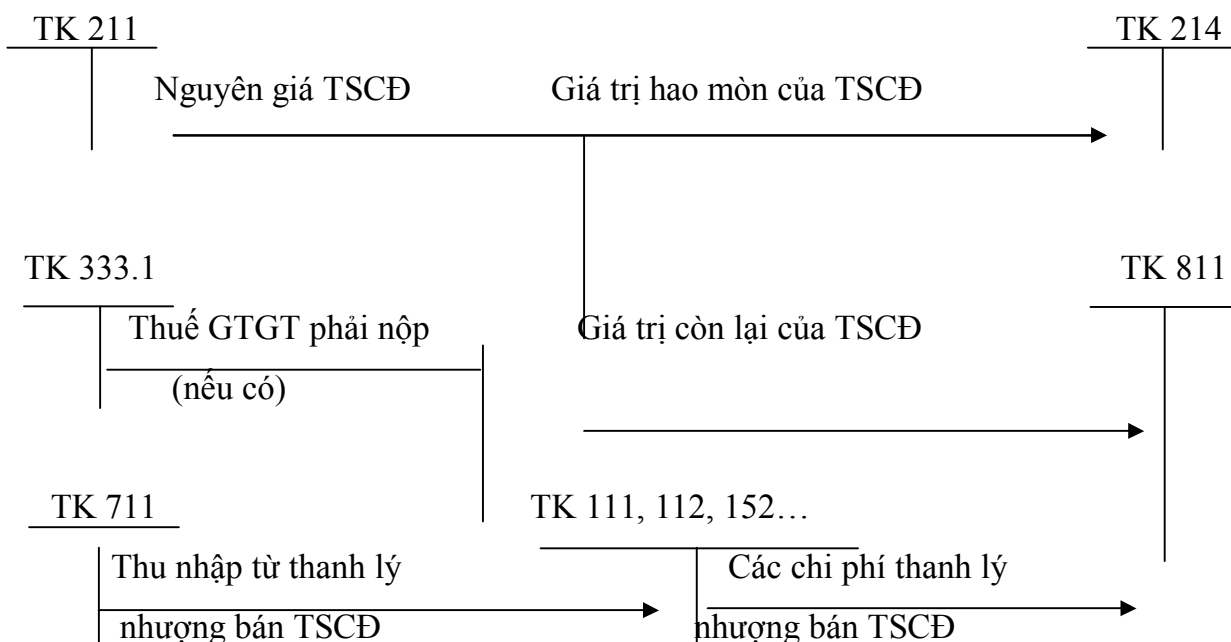
Sơ đồ 14

Sơ đồ kế toán mua TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất, đưa vào sử dụng ngay cho SXKD.



Sơ đồ 15

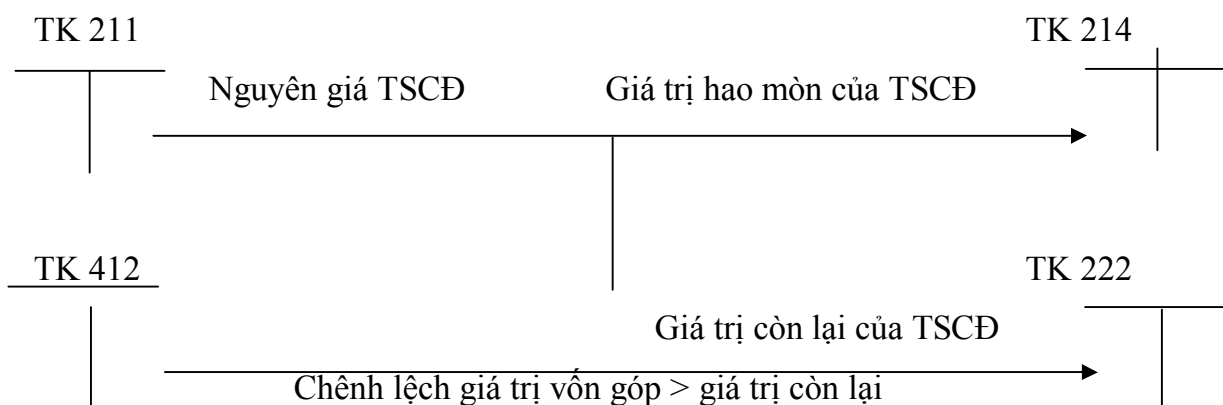
Sơ đồ hạch toán giảm TSCĐ hữu hình do thanh lý, nhượng bán.



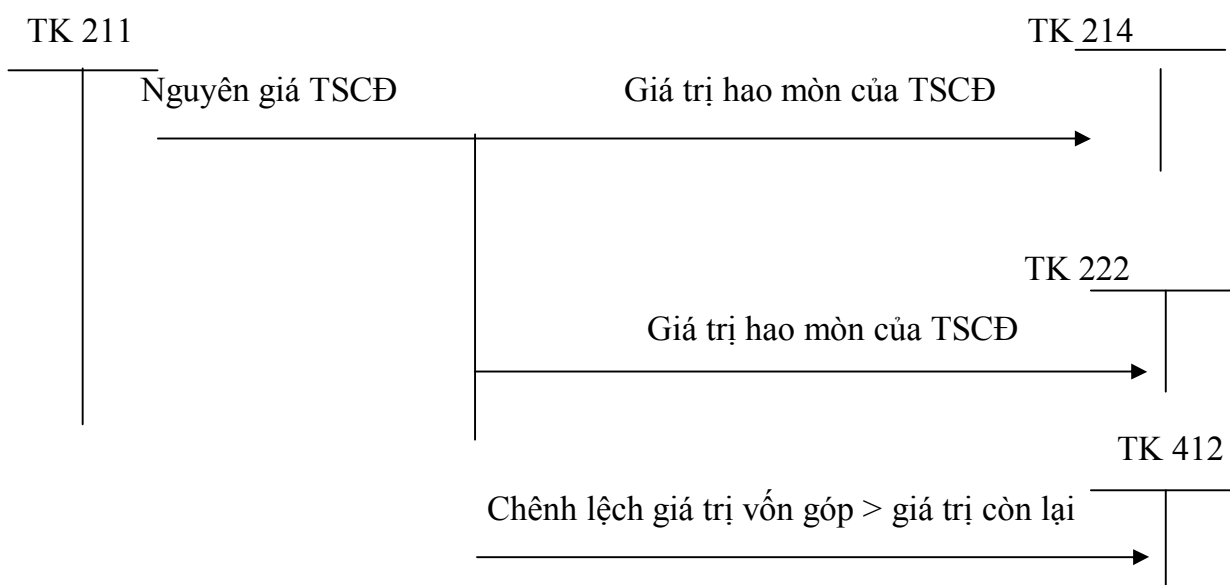
sơ đồ 16

sơ đồ hạch toán giảm TSCĐ hữu hình do góp vốn liên doanh

Vốn góp được đánh giá cao hơn giá trị còn lại:



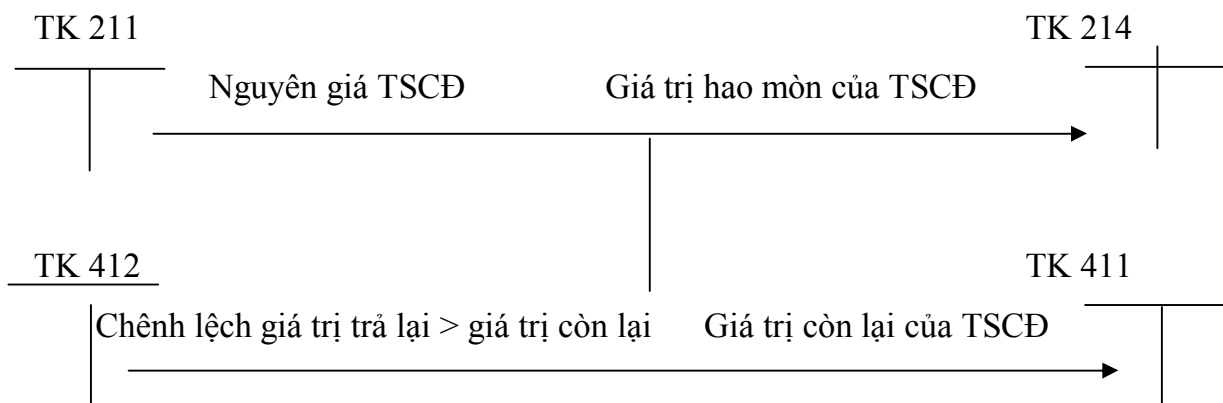
Vốn góp được đánh giá thấp hơn giá trị còn lại:



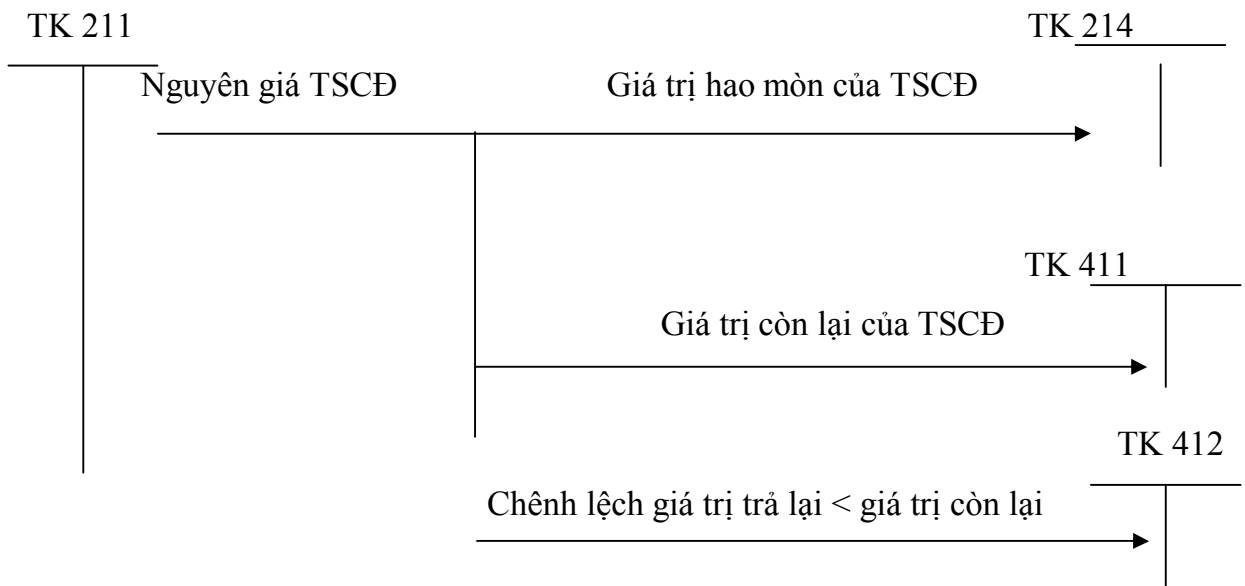
Sơ đồ 17

Sơ đồ hạch toán giảm TSCĐ hữu hình do trả lại vốn góp liên doanh

Giá trị TSCĐ trả lại cao hơn GTCL:



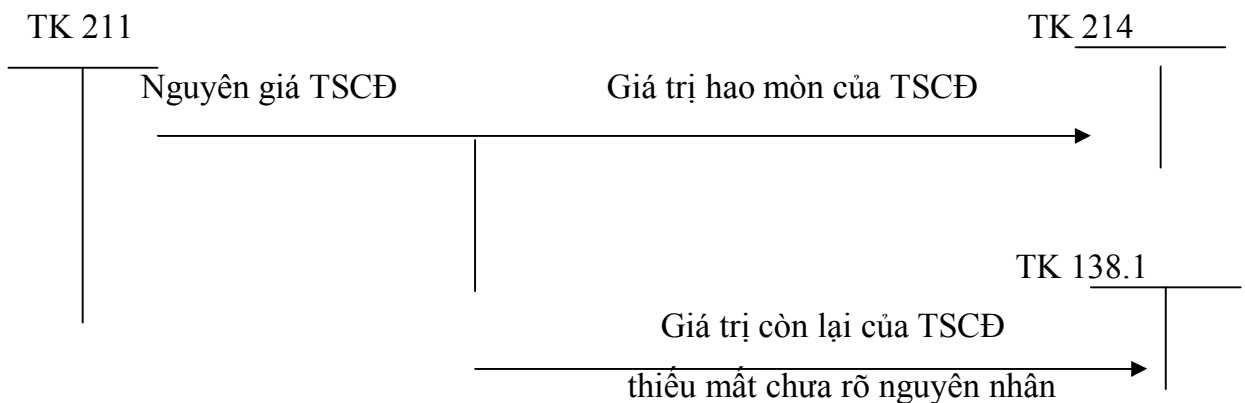
Giá trị TSCĐ trả lại thấp hơn GTCL:



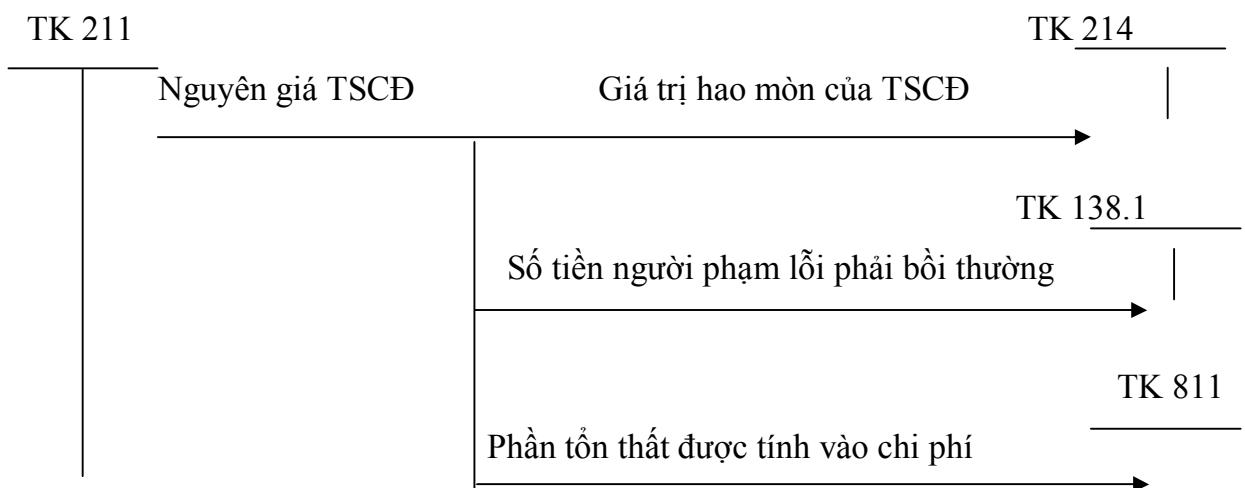
Sơ đồ 18

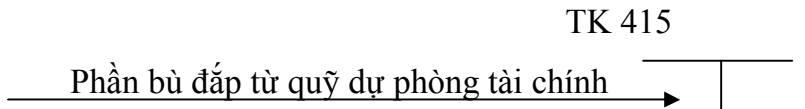
Sơ đồ hạch toán giảm TSCĐ hữu hình do bị mất, thiếu phát hiện khi kiểm kê.

Chưa xác định được nguyên nhân:



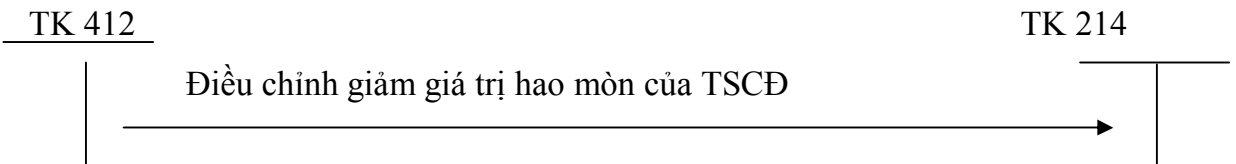
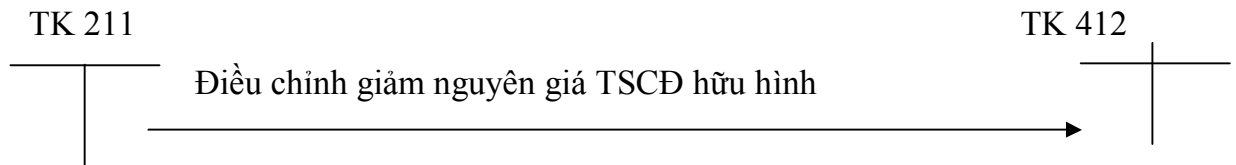
Xác định được nguyên nhân và có quyết định xử lý:





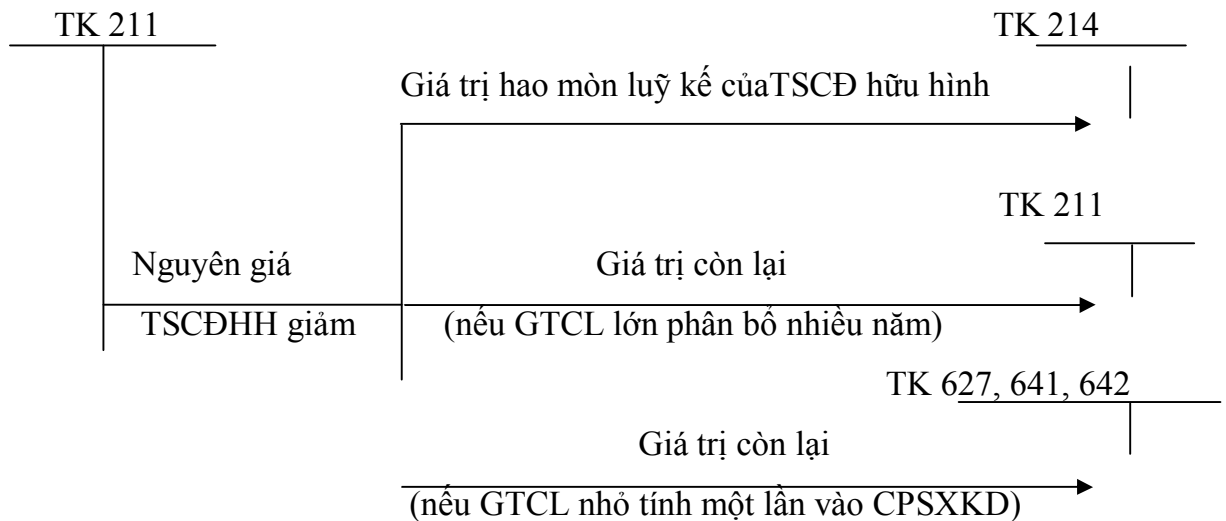
Sơ đồ 19

Sơ đồ hạch toán đánh giá giảm TSCĐ hữu hình



Sơ đồ 20

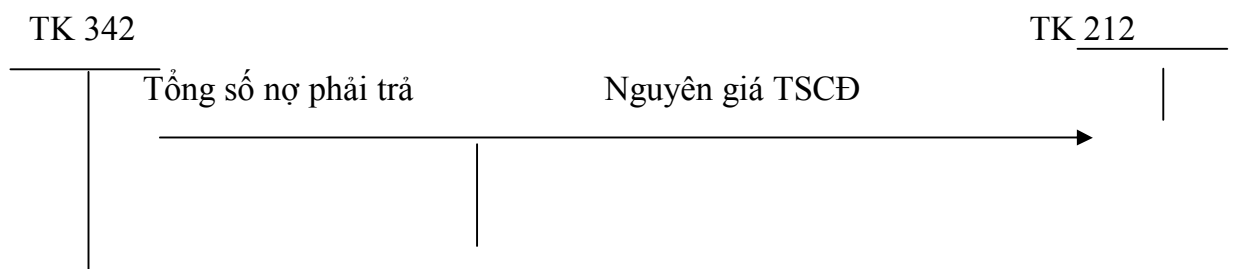
Sơ đồ kế toán giảm TSCĐ hữu hình do không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ hữu hình.

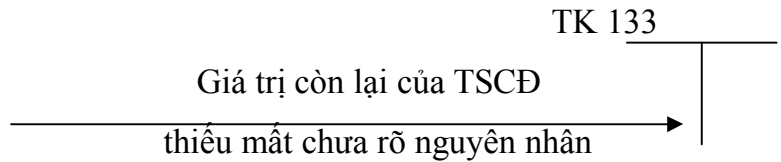


Sơ đồ 21

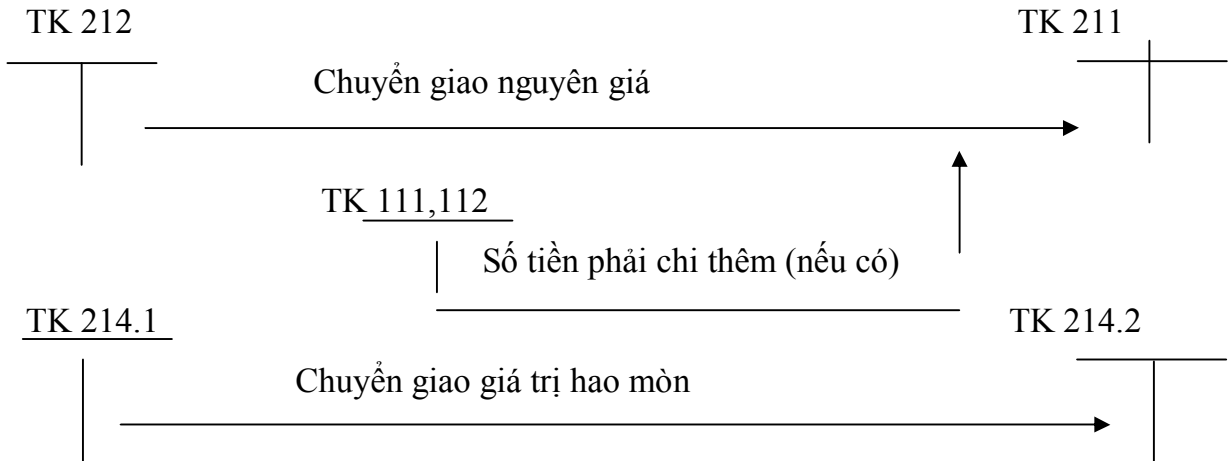
Sơ đồ kế toán TSCĐ thuê tài chính (Hạch toán tại bên đi thuê)

Khi thực hiện hợp đồng thuê TSCĐ thuê tài chính:

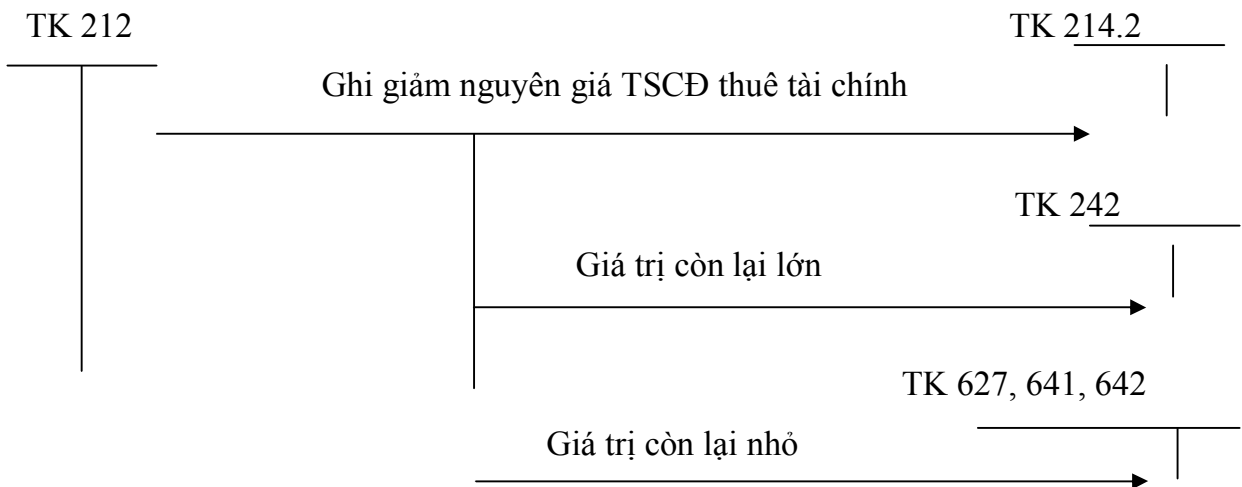




Khi kết thúc hợp đồng thuê, nếu bên đi thuê được chuyển giao quyền sử dụng TSCĐHH.

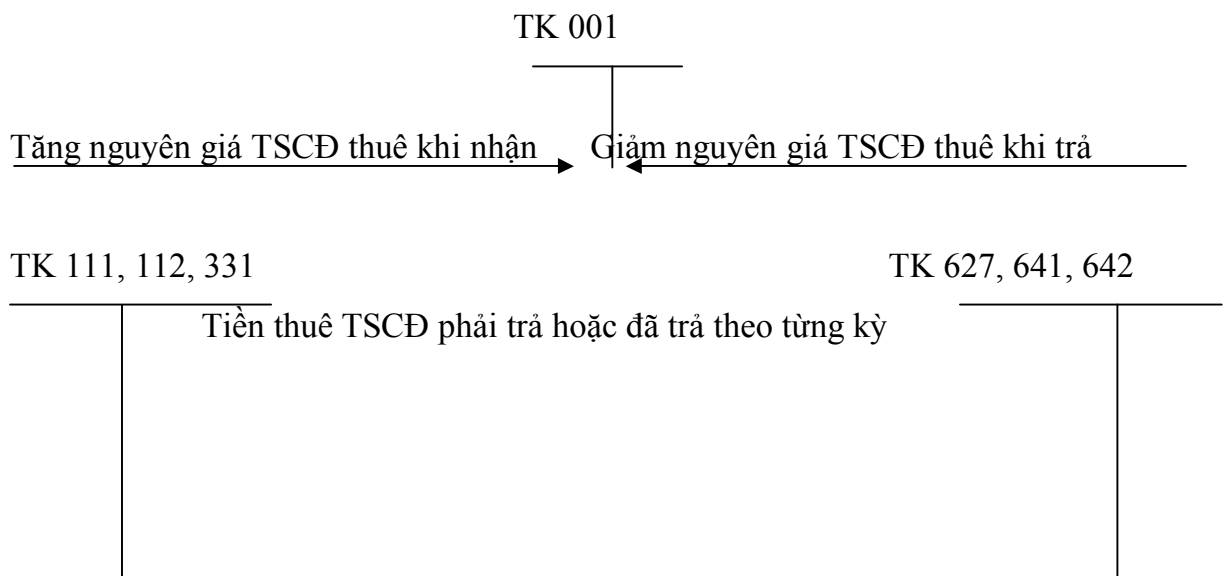


Nếu trả lại TSCĐ hữu hình cho bên cho thuê:



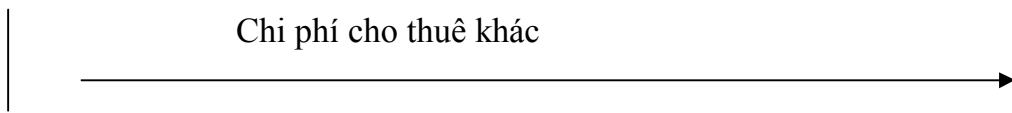
Sơ đồ 22

Sơ đồ kế toán TSCĐ thuê hoạt động



TK 111, 112

Chi phí cho thuê khác

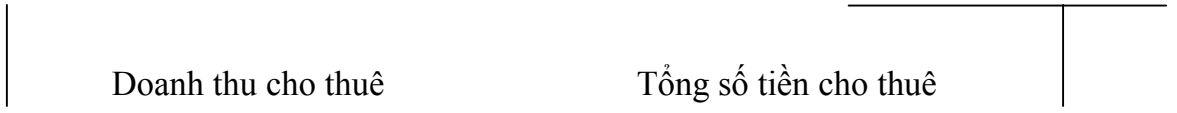


TK 515

TK 111, 112, 331

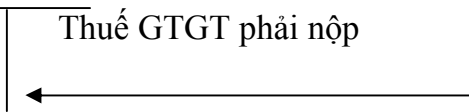
Doanh thu cho thuê

Tổng số tiền cho thuê



TK 333.1

Thuế GTGT phải nộp



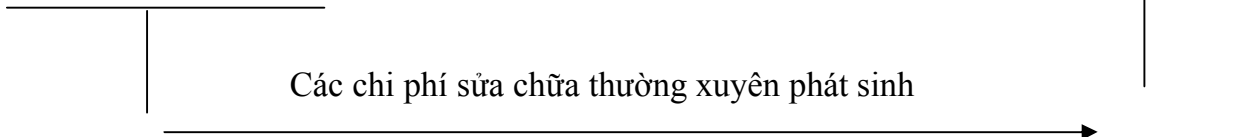
Sơ đồ 25

Sơ đồ kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ

TK 334, 338, 152...

TK 627, 641, 642...

Các chi phí sửa chữa thường xuyên phát sinh



Sơ đồ 26

Sơ đồ kế toán sửa chữa lớn TSCĐ

TH1: Theo phương thức sửa chữa tự làm

Doanh nghiệp không trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ:

TK 152, 153

TK 241.3

TK 242

TK 627, 642, 642

Các chi phí sửa

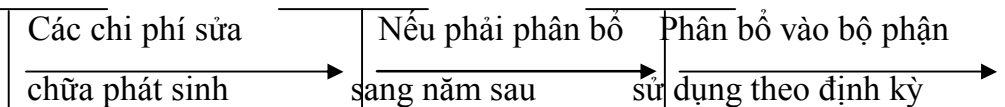
Nếu phải phân bổ

Phân bổ vào bộ phận

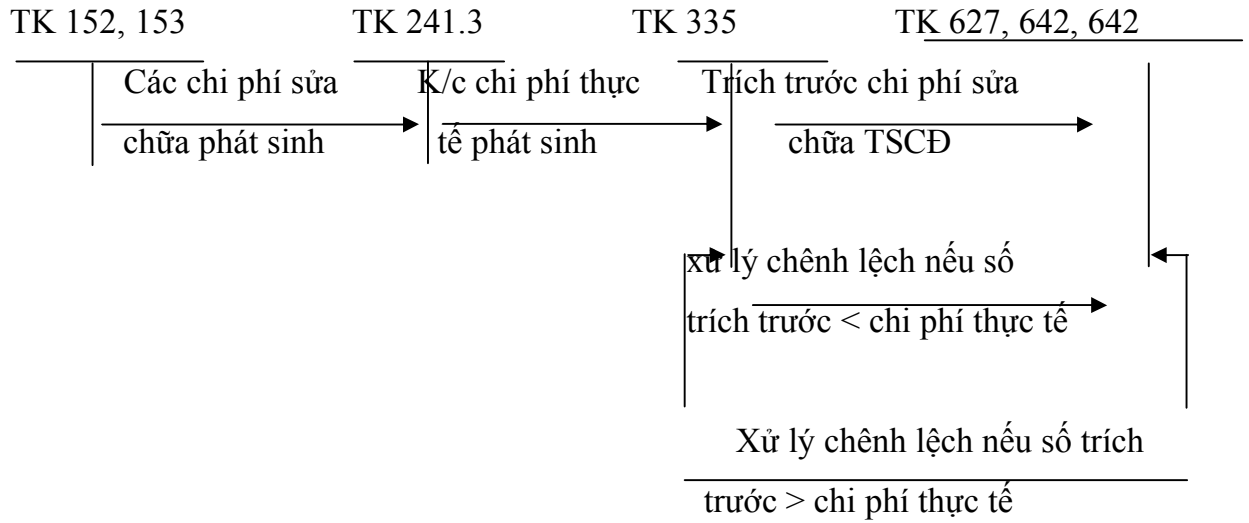
chữa phát sinh

sang năm sau

sử dụng theo định kỳ

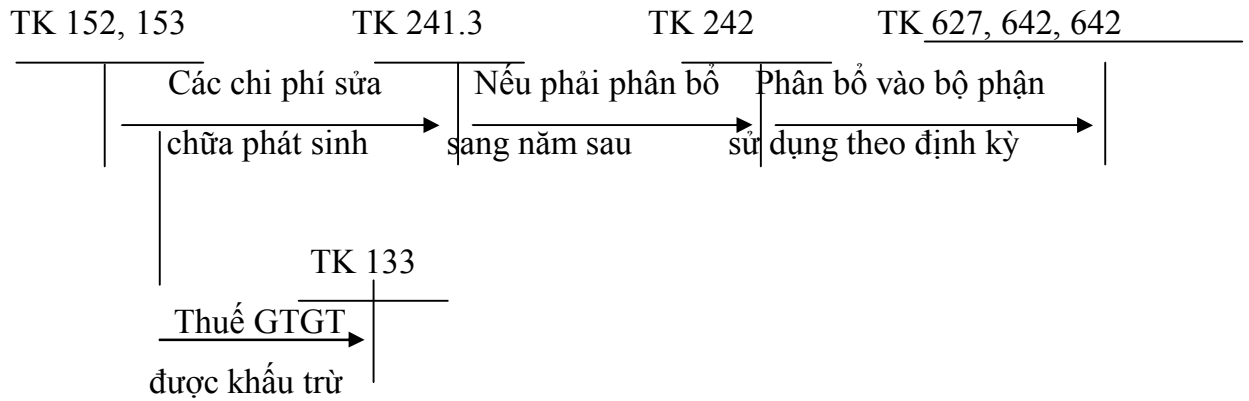


Doanh nghiệp có trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ:

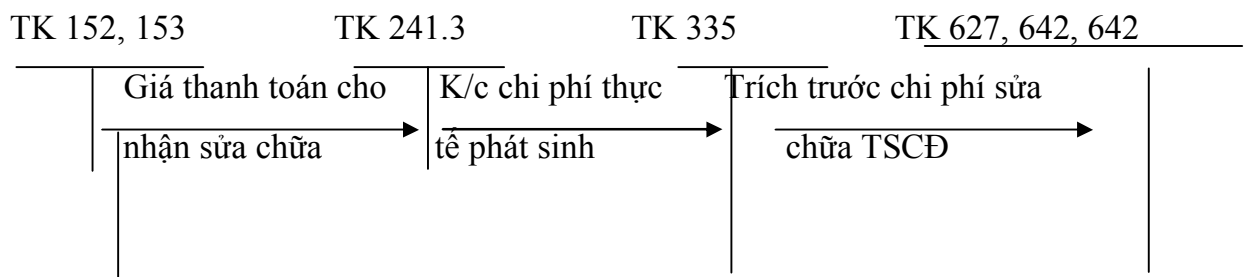


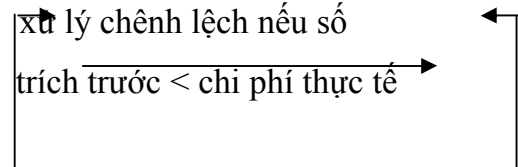
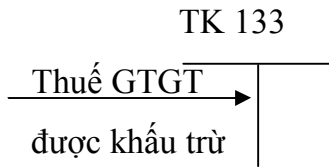
TH2: Theo phương thức sửa chữa thuê ngoài.

Doanh nghiệp không trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ:



Doanh nghiệp có trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ:

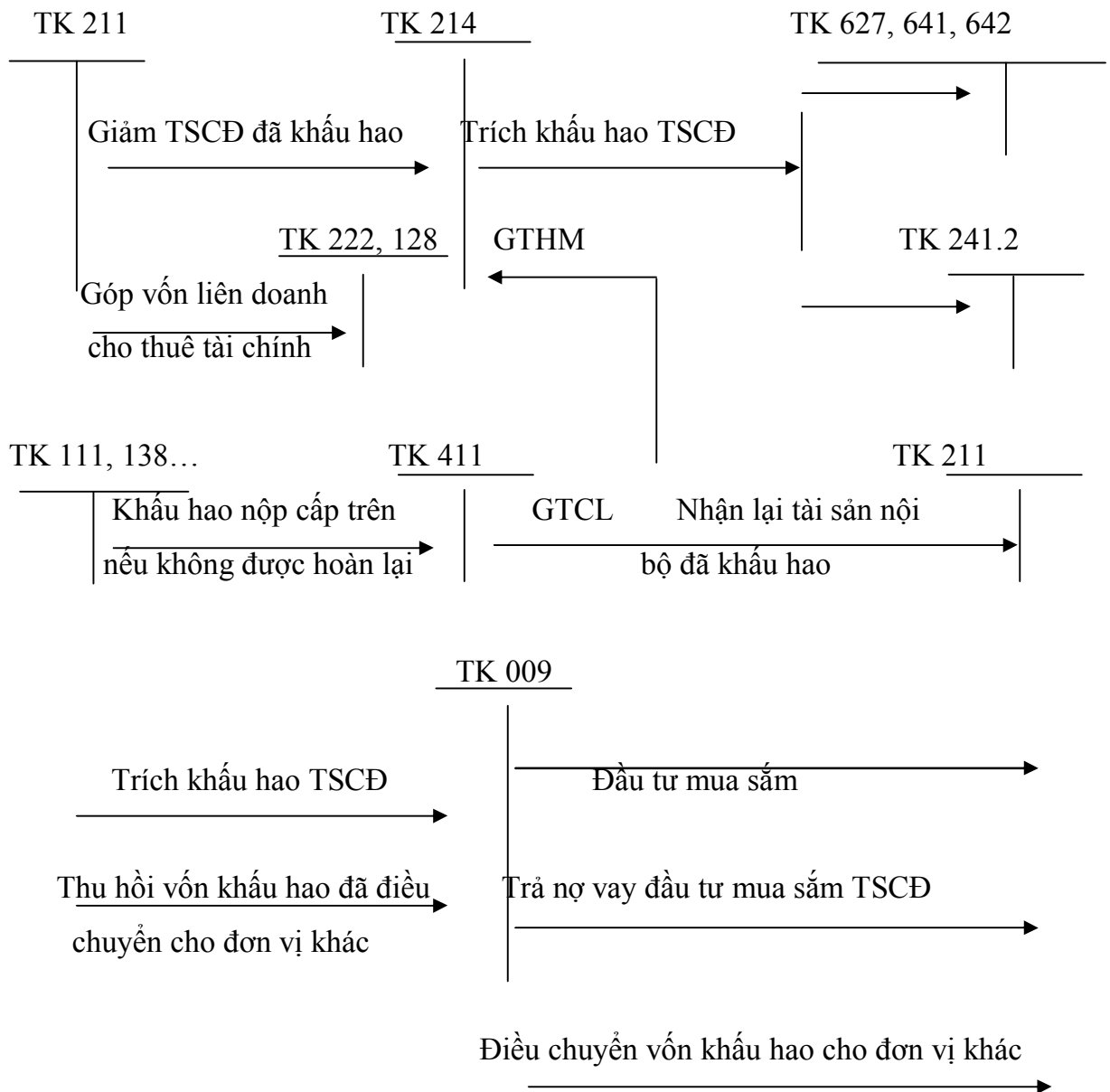




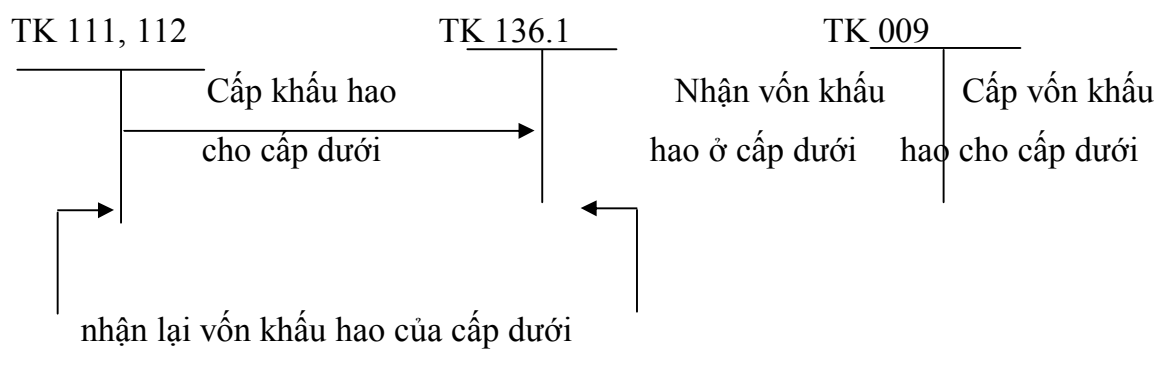
Xử lý chênh lệch nếu số trích
trước > chi phí thực tế

Sơ đồ 27

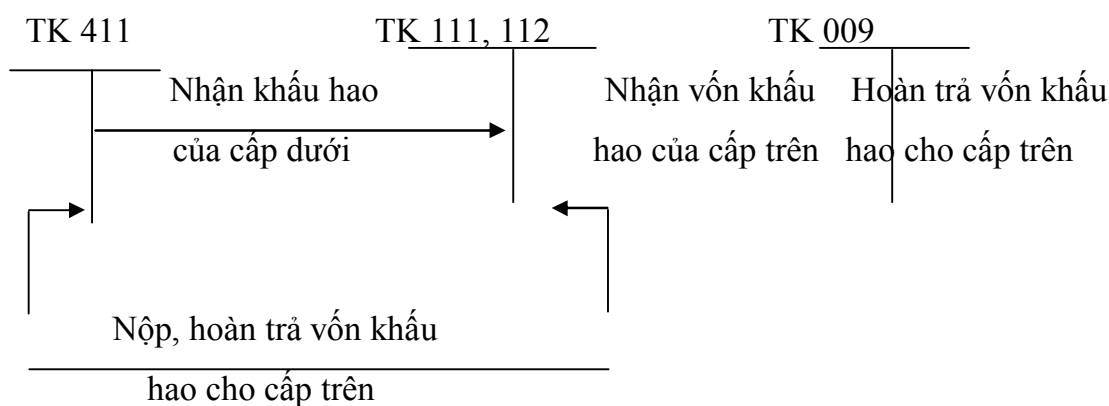
Sơ đồ kế toán khấu hao và hao mòn TSCĐ



Hạch toán khấu hao tại đơn vị cấp trên:



Hạch toán khấu hao tại đơn vị cấp dưới:



Mục lục

Lời nói đầu

**Phần I: Lý luận chung về hạch toán TSCĐ hữu hình ở
các doanh nghiệp sản xuất**

I. Một số vấn đề cơ bản về TSCĐ hữu hình.....	1
1. Khái niệm về TSCĐ hữu hình.....	1
2. Đặc điểm và nhiệm vụ của kế toán TSCĐ.....	1
3. Phân loại TSCĐ hữu hình.....	2
3.1. TSCĐ dùng cho mục đích kinh doanh.....	2
3.2. Phân loại theo quyền sở hữu.....	3
3.3. Phân loại theo tình hình sử dụng.....	4
3.4. Phân loại theo nguồn hình thành.....	4

II. Đánh giá TSCĐ hữu hình	4
1. Nguyên giá TSCĐ hữu hình	4
1.1. TSCĐ hữu hình do mua sắm.....	4
1.2. TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi.....	5
1.3. Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng hoặc tự sản xuất.....	5
1.4. Nguyên giá TSCĐ hữu hình do đầu tư XDCB hình thành theo phương thức. giao thầu.....	5
1.5. Nguyên giá TSCĐ hữu hình do được cấp, được điều chuyển đến.....	6
1.6. Nguyên giá TSCĐ hữu hình được cho, được biếu, được tặng, nhận góp vốn liên doanh, nhận lại vốn góp, do phát hiện thừa.....	6
2. Đánh giá TSCĐ	6
2.1. Đánh giá TSCĐ theo nguyên giá.....	6
2.2. Xác định giá trị còn lại của TSCĐ.....	6
2.3. Xác định giá trị hao mòn.....	7
III. Tổ chức hạch toán kế toán TSCĐ	7
1. Hạch toán kế toán chi tiết	7
2. Hạch toán tổng hợp TSCĐ hữu hình	7
2.1. Tài khoản sử dụng.....	7
2.2. Phương pháp hạch toán tăng giảm TSCĐ hữu hình.....	9
2.3. Kế toán TSCĐ thuê ngoài.....	9
a. TSCĐ thuê tài chính.....	9
b. Kế toán TSCĐ thuê hoạt động.....	10
2.4. Kế toán cho thuê TSCĐ.....	10
a. Kế toán cho thuê TSCĐ tài chính.....	10
b. Kế toán cho thuê hoạt động.....	10
3. Kế toán khấu hao TSCĐ	10
3.1. Các phương pháp tính khấu hao.....	11
3.2. Tài khoản kế toán sử dụng.....	13
4. Hạch toán sửa chữa TSCĐ	13
5. Kiểm kê, đánh giá lại TSCĐ	14

Phần II: Thực trạng tổ chức kế toán TSCĐ hữu hình tại công ty cổ phần thiết bị thủy lợi

I. Tình hình và đặc điểm chung của công ty cổ phần

thiết bị thủy lợi	16
1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty	16
2. Chức năng và nhiệm vụ của công ty	17
3. Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý	18
4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán ở công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi	19
4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	19
4.2. Chế độ kế toán.....	20

II. Thực trạng tổ chức hạch toán TSCĐ tại Công ty Cổ phần

thiết bị Thủy Lợi	22
1. Phân loại TSCĐ tại Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi	22
a. Theo hình thái biểu hiện.....	22
b. Theo tình hình sử dụng.....	22
2. Hạch toán chi tiết TSCĐ	23
3. Hạch toán tổng hợp TSCĐ	23
a. Kế toán tổng hợp tăng TSCĐ.....	23
b. Kế toán tổng hợp giảm TSCĐ.....	24
4. Kế toán khấu hao TSCĐ	26
5. Kế toán sửa chữa TSCĐ	27
6. Công tác kiểm tra và đánh giá lại TSCĐ	28
7. Phân tích tình hình TSCĐ	29

Phần III. Đánh giá chung và một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức quản lý và hạch toán nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ tại Công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi.

I. Đánh giá chung về công tác kế toán TSCĐ tại công ty Cổ phần thiết bị Thủy

Lợi	31
1. Ưu điểm	31

2. Những tồn tại và hạn chế trong công tác quản lý TSCĐ tại công ty...	32
II. Phương hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ tại công ty Cổ phần thiết bị Thủy Lợi	
.....	34
1. Về tổ chức bộ máy kế toán.....	34
2. Về công tác sửa chữa TSCĐ.....	35
3. Về công tác hạch toán và tính khấu hao.....	35
4. Về quản lý và sử dụng TSCĐ.....	35
5. Mở Thẻ TSCĐ và sổ tài sản theo từng đơn vị sử dụng.....	35
Kết luận	

Tài liệu tham khảo

1. Giáo trình kế toán doanh nghiệp I

Trường Đại học Quản lý và kinh doanh Hà Nội

2. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính

NXB tài chính 10/2004- Chủ biên PGS.TS. Nguyễn Văn Công-
ĐHKQTĐ.

**3. Hướng dẫn thực hành ghi chép chứng từ và sổ kế toán trong các loại hình
doanh nghiệp**

NXB Thống kê - 2001

4. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành

Nhà xuất bản tài chính - 2004